

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

CHƯ THÁNH
BẠCH VÂN ĐÔNG
Tùng Thiên – Từ Bạch Lạc

TÀI LIỆU SƯ TÂM 2019
hai • không • một • chín

Ebook dạng pdf được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **ĐAOCOAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, do sự trình bày, xin vui lòng gửi điện thư đến: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **Soạn Giả Tùng Thiên TỪ BẠCH HẠC, Ban Phụ Trách Phổ Biến Kinh Sách Website ĐAOCOAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠO-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

Xin được lưu ý, những quyển tài liệu về Đạo Cao-Đài do chúng tôi sưu tầm và chuyển ra ebook nếu không được ghi rõ ở trang bìa dòng chữ **HỘI-THÁNH GIỮ BẢN QUYỀN**: có nghĩa là quyển tài liệu chưa được **HỘI-THÁNH** (Thiên-Phong) kiểm duyệt và cho phát hành. Vì thế, có thể *(xin được mở ngoặc ở đây để lập lại từ “có thể” để nhấn mạnh tính khả dĩ có thể xảy ra ngoài ý muốn để lưu ý đọc giả cần thận trọng, chiêm nghiệm chính chắn các sự kiện được trình bày khi đọc ebook này hay các ebook khác, chứ khi biên soạn sách Đạo các tác giả cũng đã để hết tâm huyết, hết lòng hết dạ vì Thấy vì Đạo nên rất cần thận tham khảo, truy cứu kỹ lưỡng giáo lý Đạo trong lúc biên soạn)* có một vài sơ sót hay sai lầm mà phần nào chưa được hoàn toàn phù hợp với tôn chỉ hay giáo lý của ĐẠO dù ở đâu trang bìa của ebook được ghi: ĐẠO-ĐẠO TAM-KỶ PHỔ-ĐỘ và hàng dưới ghi: Tòa-Thánh Tây-Ninh; điều này chỉ có ý nêu ra sự kiện: *Tài liệu do chư Tiên Bối hay HTĐM trong ĐẠO CAO-ĐÀI thuộc Tòa-Thánh Tây-Ninh thành tâm biên soạn với nguyện vọng cao quý: cùng chung nhau gắng công, trong khả năng của mình, phổ truyền nền ĐẠO-ĐẠO, thiệt hiện những điều nguyện trong Ngũ Nguyện của người môn đệ CAO-ĐÀI trong giai đoạn nền Đạo chinh nghiêng đương thời.*

California, 24/01/2019

Tâm Nguyên

Chu Thánh
BẠCH VÂN ĐỘNG

Tùng Thiên – Từ Bạch Lạc

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU..... 9

PHẦN MỘT

QUẢNG HÀN CUNG – BẠCH VÂN ĐỘNG..... 11

- Tiết I. Bạch Vân Động Là Gì, Ở Đâu? 11
- Tiết II. Mặt Trăng Theo Khoa Học..... 12

PHẦN HAI

BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH 21

- Tiết 1. Từ Hàng Đạo Nhơn & Đức Phật Quan Âm 26
- Tiết 2. Hồng Y Giáo Chủ Richelieu (1585– 1642)..... 29
- Tiết 3. Triết Gia François Vi, Duke De La Rochefoucauld (1613–1680)..... 32
- Tiết 4. Thanh Sơn Tiên Ông & Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm 35
 - I. Thân Thế & Sự Nghiệp Nguyễn Bình Khiêm (1491–1586)..... 35
 - II. Thanh Sơn Đạo Sĩ Trong Tôn Giáo Cao Đài 38
- Tiết 5. Trung Sơn Chơn Nhơn & Tôn Dật Tiên (Sun Yat Sen)..... 39
 - I. Thân Thế & Sự Nghiệp Tôn Dật Tiên (1866–1925) 39
 - II. Trung Sơn Chơn Nhơn Trong Tôn Giáo Cao Đài 45
- Tiết 6. Nguyệt Tâm Chơn Nhơn & Victor Hugo..... 46
 - I. Thân Thế & Sự Nghiệp Victor Hugo (1802–1885) . 46
 - II. Nguyệt Tâm Chơn Nhơn Trong Tôn Giáo Cao

Đài	53
PHẦN BA	
BA BẢN THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC.....	63
▪ Tiết 1. Thiên Nhơn Hòa Ước Kỳ Nhứt & Thánh Moise ..63	
▪ Tiết 2. Thiên Nhơn Hòa Ước Lần Thứ Hai.....67	
▪ Tiết 3. Thiên Nhơn Hòa Ước Lần Ba – Hạ Ngươn73	
▫ A. Ba Lần Khai Đạo – Ba Lần Ân Xá (Relevation) ..73	
▫ B. Bản Thiên Nhơn Hòa Ước:.....75	
PHẦN BỐN	
THÁNH GIÁO CỦA BẠCH VÂN ĐỘNG CHỮ THÁNH.....	83
▪ Tiết 1. Thánh Giáo Của Thanh Sơn Đạo Sĩ.....83	
▪ Tiết 2. Thánh Giáo Của Nguyệt Tâm Chơn Nhơn90	
▪ Tiết 3. Thánh Giáo Của Đức Trung Sơn Chơn Nhơn ...93	
PHỤ LỤC.....	97
▪ I. Danh Ngôn Của La Rochefoucauld.....97	
▪ II.Thơ Văn Của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.....98	
▪ III. Thơ Văn Của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm....102	
THAM KHẢO.....	113



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

LỜI NÓI ĐẦU

KHI VÀO ĐỀN THỜ PHẬT MẪU CẦU NGUYỆN, người tín đồ chấp tay ẤN TỶ, xá ba xá, quỳ xuống để tay lên trán niệm:

- Nam mô **DIÊU TRÌ KIM MẪU VÔ CỰC THIÊN TÔN** (cúi đầu).
- Nam mô **CỬU VỊ TIÊN NƯƠNG** (cúi đầu).
- Nam mô **BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH** (cúi đầu).

* **Không lấy dấu Phật, Pháp, Tăng.**

Cửu vị Tiên nương hay Cửu vị nữ Phật đều ở Cung Diêu Trì, còn BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH gồm những ai và ở đâu? Có người thấy chữ ĐỘNG lại cho rằng chắc là ở hang đá và cho rằng chữ ĐỘNG sao giống với chữ động mà báo chí hay dùng để chỉ ổ nhóm tệ nạn sống phi pháp nên tự động bỏ bớt! Thật là một sai lầm lớn lao, bất kính.

Chính vì thế mà bài này được biên soạn hầu giúp đồng đạo hiểu rõ hơn Bạch Vân Động ở đâu, gồm có những vị nào? Chư Thánh Bạch Vân Động vì thương yêu nhân loại nên lãnh phận sự xuống thế gian ô trược này mà dạy dỗ, hướng dẫn nhân loại trên bước đường đi tìm hạnh phúc và giải thoát. Ngôn ngữ ở thế gian rất hạn hẹp để diễn tả những sinh hoạt nơi cõi hư linh. Vì thế, mượn từ ngữ thế gian để nói cho người thế gian hiểu là chuyện bất đắc dĩ của các Đấng Thiêng liêng. Nếu ai có những ý nghĩ sai lầm xin sớm sửa chữa để được các Đấng thiêng

liêng tha thứ.

Nguyện cầu cho ĐẠI ĐẠO HOẰNG KHAI, Chơn
truyền miên viễn, vạn vật thái bình.

Mùa Giáng Sinh 2018

Tùng Thiên

Từ Bạch Hạc

PHẦN MỘT QUẢNG HÀN CUNG – BẠCH VÂN ĐỘNG

TIẾT I. BẠCH VÂN ĐỘNG LÀ GÌ, Ở ĐÂU?

BẠCH VÂN ĐỘNG Hán ngữ: 白雲洞, Anh ngữ: The White Wind Lodge.

Bạch Vân Động là một cái Động trên Mặt Trăng được đặt tên Bạch Vân, là nơi dừng chân tạm của các vị Thánh trước khi xuống thế gian thi hành nhiệm vụ. Người chưởng quản Bạch Vân Động được gọi là Sư phó. Đức Phạm Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động như sau:

“Theo Kinh Phật thì trái địa cầu hiện ta đang ở nay đã đến kiếp thứ nhì.

Sau bảy lần biến hóa, mỗi kỳ 61 triệu năm, vị chi là 427 triệu năm (61 triệu x 7 = 427 triệu). Địa cầu đã chết một lần rồi, di hài kiếp trước còn lại là Nguyệt cầu (Mặt Trăng là một tinh tú đã chết, ở trên đó không có một vật sống nào).

Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu (Mặt Trăng) là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới (Địa cầu) đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu, để quen lãn với đời sống ở thế gian này. Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung).

Cơ giáng ở Âu Châu, mệnh danh là LOGE BLANCHE (Bạch Động).

Như vậy, Bạch Vân Động ở trên Mặt Trăng. Mặt Trăng là vệ tinh của địa cầu, nên nó là trạm tiếp chuyển từ các cõi của Càn Khôn Vũ Trụ đi đến địa cầu. Trên

Cung trăng không có sinh vật, chỉ làm nơi trú ngụ cho các Đấng thiêng liêng trong thể dĩ thái mà thôi.



TIẾT II. MẶT TRĂNG THEO KHOA HỌC



*Hình ảnh lồi lõm trên trên Mặt trăng
thấy giống như mặt người*



Lần trăng máu vào năm 2003 (Ảnh: denverpost.com).

Mặt Trăng (tiếng Latin: *Luna*, ký hiệu: ☾) là vệ tinh tự nhiên duy nhất của Trái Đất và là vệ tinh tự nhiên lớn thứ năm trong Hệ Mặt Trời.

Khoảng cách trung bình tính từ tâm Trái Đất đến Mặt Trăng là 384.403 km, lớn khoảng 30 lần đường kính Trái Đất. Đường kính Mặt Trăng là 3.474 km^[1], tức hơn một phần tư đường kính Trái Đất.

Mặt Trăng quay một vòng quanh Trái Đất với chu kỳ quỹ đạo 27,32 ngày. Trong nhiều năm qua, người ta thường nhìn lên những **vết đen trên Mặt Trăng** và tưởng tượng đó như hình ảnh khuôn mặt của một người đàn ông. Trước đây, các nhà khoa học đã chỉ ra rằng những vết đen đó chính là các khu vực lòng chảo hình tròn của địa hình núi lửa

Các nhà khoa học dẫn đầu bởi giáo sư Maria Zuber tại MIT đã phát hiện rằng các vết đen lồi lõm kích thước lớn trên Mặt Trăng là **vết tích của một những dòng nham thạch cổ đại với khối lượng khổng lồ**. Nhóm nghiên cứu đã hình thành nên một giả thuyết rằng, những mảng đen trên Mặt Trăng là kết quả của những đợt phun trào dung nham của Mặt Trăng cách đây hàng tỷ năm. Các vết lõm trên chỉ tập trung ở 1 mặt của Mặt Trăng còn mặt đối diện thì hầu như không có. Đó là câu hỏi mà từ trước đến nay các nhà khoa học vẫn chưa thể đưa ra được câu trả lời xác đáng.

Bao lâu Trăng tròn (Full Moon) một lần?

Cứ mỗi 29,5 ngày thì Trăng tròn một lần. Đây là lúc Mặt Trăng được chiếu sáng hoàn toàn bởi các tia sáng Mặt Trời. Thực tế, một mặt của Mặt Trăng phải đối diện với

hành tinh, mặt còn lại luôn nằm trong bóng tối nên hầu hết thời gian “*trăng tròn*” sẽ không tròn hoàn toàn. *Chỉ khi Mặt Trăng, Trái Đất và Mặt Trời nằm thẳng hàng nhau thì lúc đó Mặt Trăng mới thực sự tròn 100% và sự thẳng hàng đó sẽ xuất hiện hiện tượng nguyệt thực.*

Supermoon là gì?

Supermoon (tạm dịch là Siêu Trăng) xảy ra khi Mặt Trăng di chuyển tới vị trí có khoảng cách gần với Trái Đất nhất (điểm cận địa), kích thước Mặt Trăng khi nhìn từ Trái Đất sẽ lớn hơn. Đặc biệt, khi Mặt Trời, Trái Đất và Mặt Trăng xếp thẳng hàng đúng thời điểm Mặt Trăng ở điểm cận địa, Mặt Trăng sẽ sáng và có kích thước lớn hơn nhiều khi nhìn từ Trái Đất, đó được gọi là hiện tượng Siêu trăng hoặc Siêu Mặt Trăng (Supermoon). Siêu Trăng có thể kéo theo hiện tượng siêu thủy triều (thủy triều lớn hơn bình thường).

Ước tính siêu Mặt Trăng sẽ lớn hơn tới 14% và sáng hơn 30% so với trăng tròn thông thường.

Trăng máu hay Nguyệt thực toàn phần là hiện tượng thiên văn bình thường khi Mặt Trăng đi vào vùng bóng tối của Trái Đất và che mất nguồn ánh sáng Mặt Trời. Còn màu đỏ như máu của Mặt Trăng là do ánh sáng từ bề mặt Mặt Trăng bị khúc xạ khi xuyên qua khí quyển trái đất và biến thành màu đỏ rực qua mắt người (giống như cơ chế nhuộm đỏ bầu trời mỗi khi bình minh và hoàng hôn). Theo MASK, ở Trung Quốc, trường hợp quan sát nguyệt thực sớm nhất ghi nhận được là vào **khoảng năm 1000 TCN**. Hình ảnh Mặt trăng bị nhuộm màu đỏ như máu và dần dần biến mất khỏi bầu trời khiến họ tin rằng đó là **điềm không lành, báo hiệu chiến tranh, nạn đói**

và dịch bệnh.

Một số thông tin thêm về Mặt Trăng:

- Mặt Trăng khoảng 4,6 tỷ năm tuổi và hình thành sau hệ mặt trời từ 30–50 triệu năm
- Mặt Trăng nhỏ hơn trái đất – có kích thước thực tế tương đương Sao Diêm Vương (Pluto)
- Diện tích bề mặt nhỏ hơn so với diện tích bề mặt của châu Á – khoảng 14,6 triệu dặm vuông (theo space.com).
- Trọng lực trên Mặt Trăng chỉ bằng 1/6 so với Trái Đất.
- Mặt Trăng không tròn, nhưng có hình dạng quả trứng với đầu lớn hướng về phía Trái Đất.
- Mặt trăng cũng có «*rung chấn Mặt Trăng*» (Moonquakes) do lực hấp dẫn của Trái Đất gây ra.
- Các chuyên gia tin rằng Mặt Trăng có một lõi nóng chảy, giống như Trái Đất.

Đường kính Mặt Trăng: 2.159 dặm (3.474 km)

Đường kính Mặt Trời: 864.575 dặm (1.391.400 km)

Khoảng cách Mặt Trăng – Trái Đất: 225.700 dặm (360.000 km)

Khoảng cách trung bình Mặt Trời – Trái Đất (đôi lúc gần hơn, đôi lúc xa hơn): 92.000.000 dặm (149.600.000 km)

Một số “trùng hợp” đặc biệt giữa Mặt Trời, Trái Đất và Mặt Trăng

– Khoảng cách trung bình giữa trái đất và Mặt Trăng là 380.000 km, còn giữa mặt trời và trái đất là 150.000.000 km. Cái sau lớn hơn 395 lần so với cái trước.

– Đường kính mặt trời là khoảng 1.380.000 km, trong khi Mặt Trăng là 3.400 km, tỷ lệ giữa chúng cũng lại là 395 lần. Cả hai đều là 395. Liệu có thể là ngẫu nhiên không? Điều này có nghĩa là gì?

Mặt trời lớn hơn Mặt Trăng 395 lần, nhưng xa hơn trái đất 395 lần so với Mặt Trăng. Cả hai đều có cùng kích thước khi nhìn từ trái đất, bởi vì khoảng cách là khác nhau.

Tiến sĩ Eric Christian và chuyên gia giáo dục từ xa của NASA Beth Barbier đã giải thích: *“(Mặt Trăng tạo thêm) lực kéo cho sự xoay chuyển của Trái Đất bằng các thủy triều, cả thủy triều đại dương và thủy triều nội. Sức kéo phụ thêm này có tác dụng ổn định quá trình quay. Nó còn dần dần làm chậm sự xoay chuyển của Trái Đất, từ đó dần dần kéo dài thời gian ban ngày trên Trái Đất”*.

So với các vệ tinh của các hành tinh khác, tính năng này của Mặt Trăng có thể nói là độc nhất vô nhị.

Hai mặt của Mặt Trăng

Mặt Trăng sẽ luôn hướng một mặt duy nhất về Trái Đất khi đang quay. Đây là điều rất khó hiểu từ góc độ thiên văn học, vì quỹ đạo quay đồng bộ này cần có sự tính toán vô cùng chuẩn xác.

Tại sao Mặt Trăng chỉ quay một mặt hướng về phía Trái Đất?

Mặt Trăng có 2 chuyển động tương đối: chuyển động tự quay và chuyển động quay quanh Trái Đất. Thời gian nó tự quay vừa bằng thời gian nó quay quanh Trái Đất là 27,3 ngày. Cho nên khi Mặt Trăng quay quanh Trái Đất được 1 góc thì nó cũng tự quay quanh mình được 1 góc như thế. Nếu Mặt Trăng quay quanh Trái Đất được 1 vòng thì

nó cũng vừa tự quay xong 360 độ. Vì vậy nó chỉ có 1 mặt hướng về Trái Đất còn 1 mặt luôn quay lưng với Trái Đất.

Trên bề mặt không nhìn thấy được của Mặt Trăng (phía tối của Mặt Trăng), chúng ta đã phát hiện nhiều hố va chạm, núi đồi, và các địa hình mấp mô. Nhưng bề mặt đối diện với Trái Đất lại khá bằng phẳng. Các nhà khoa học hiện vẫn chưa giải đáp được lý do cho sự khác biệt này. Về lý mà xét, nếu Mặt Trăng là vật thể tự nhiên trong vũ trụ, trong thời gian tồn tại lâu dài như thế, cơ hội bị thiên thạch rơi vào ở các mặt là như nhau, vậy tại sao lại có sự khác biệt to lớn giữa hai mặt như vậy?

Theo các nhà nghiên cứu, sự sống đã xuất hiện trên Mặt trăng gần như ngay sau khi **Mặt trăng hình thành, tức là khoảng 4 tỷ năm về trước**. Tiếp đó, 500 triệu năm sau, sự sống lại một lần nữa xuất hiện trên Mặt trăng, trên miệng núi lửa đang hoạt động. Các tác giả của công trình nghiên cứu lưu ý rằng trong cả 2 giai đoạn, Mặt trăng giải phóng một lượng khổng lồ các loại khí nóng, trong đó có hơi nước. Điều đó có thể dẫn đến sự hình thành những hồ chứa nước trên bề mặt Mặt trăng; đồng thời khí quyển bao quanh Mặt trăng đủ dày đặc để có thể duy trì qua hàng triệu năm. *“Nếu nước lỏng và khí quyển xuất hiện trên Mặt trăng non trẻ đủ lâu, thì chúng tôi tin rằng Mặt trăng có thể thích hợp với sự sống, mặc dù chỉ là tạm thời”* – ông Schulze – Makuch cho biết. Nhưng, bầu khí quyển của Mặt trăng chỉ đủ sức giữ nước ở dạng lỏng vài triệu năm. Các điều kiện tự nhiên thay đổi. Khi con người tìm đến, nó chỉ còn là một Mặt Trăng cằn cỗi.

Vào ngày 20-7-1969, Armstrong đã trở thành người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng ở tuổi 38. Ông đã thốt

lên câu nói nổi tiếng:

“Đây là một bước đi nhỏ của (*một*) con người, (nhưng là) một bước nhảy lớn của nhân loại”. (*That’s one small step for (a) man, one giant leap for mankind*).

ẢNH HƯỞNG CỦA MẶT TRĂNG LÊN CƠ THỂ CON NGƯỜI

Theo các nhà khoa học thuộc Trường đại học Leed, Vương quốc Anh thì trong khoảng thời gian 5 đến 6 ngày diễn ra hiện tượng trăng tròn, số lượng các ca chấn thương phải nhập viện thường tăng đột biến (hơn 30.000 ca so với những ngày bình thường). Theo thống kê của cảnh sát thành phố Leed, các vụ bạo lực, tội phạm, và các trường hợp tạm giữ cũng tăng lên khoảng 1.200 vụ so với những ngày bình thường. Rõ ràng là có một sự liên quan đặc biệt nào đó giữa thời gian xảy ra hiện tượng trăng tròn và hành vi có tính bất thường của con người.

Sự thay đổi theo chu kỳ của Mặt Trăng có ảnh hưởng tới con người. Ví dụ rõ ràng nhất là chu kỳ kinh nguyệt của phụ nữ. Dưới những điều kiện bình thường, mỗi chu kỳ của một người phụ nữ xảy ra trong 28 ngày, chính xác trong khoảng giữa tháng thiên văn (thời gian giữa độ cao lớn nhất của một định tinh được nhìn từ Mặt Trăng, xấp xỉ 27 ngày) và tháng Mặt Trăng (29 ngày).

Trường đại học California, Mỹ phát hiện ra rằng, có một tác động giữa ánh sáng từ Mặt Trăng tới sức khỏe con người. Họ đưa ra giải thích là: Những ngày trăng tròn, ánh sáng của ánh trăng đã tác động đến giấc ngủ của con người, gây tình trạng thiếu ngủ trong suốt thời gian có trăng, và điều này ít nhiều đã tác động đến hệ thần kinh, dẫn đến

những thái độ và hành động bất thường. Giải thích thứ hai được đưa ra dựa trên lý thuyết của khoa học về sự ảnh hưởng từ sức hút Mặt Trăng đối với chất lỏng trên trái đất (đây là lý thuyết được dùng để giải thích cho hiện tượng thủy triều thường lên cao vào những đêm trăng). Theo đó, sức hút từ Mặt Trăng ít nhiều đã tác động đến hệ thần kinh của con người (cụ thể là chất dịch trong một phần của não – hypothalamus – phần não kiểm soát thái độ và hành vi) và gây ra các cảm giác rất khó chịu cũng như sự thay đổi về nhiệt độ và giấc ngủ. Hiện tượng này còn có tên gọi khác như “*thủy triều máu*” hay “*thủy triều sinh học*” trong não của con người.

Đây là nguyên nhân khiến cho sự lưu thông của máu trong não bị thay đổi, gây ra những tác động có thể dẫn tới sự rối loạn, mất thăng bằng trong chức năng kiểm soát hành vi của não bộ, từ đó dẫn tới những hành vi bất thường của con người, khiến họ gặp phải những tai nạn bất ngờ, cũng có thể khiến xảy ra các tình huống nghiêm trọng hơn như: tâm thần bất ổn, điên loạn, tự tử, phạm tội...

Theo thuyết âm dương ngũ hành của người Trung Quốc, thì trong những đêm trăng rằm, khí âm (lạnh) xuất hiện và phân bố không đồng đều trên bề mặt trái đất. Và sự mất cân bằng giữa hai yếu tố âm – dương chính là nguyên nhân gây ra sự mất cân bằng tâm sinh lý ở con người, nhất là trong thời gian xảy ra nguyệt thực, Mặt Trăng che kín toàn bộ ánh sáng của mặt trời nên nhiệt độ và ánh sáng mặt trời (khí dương) bị giảm xuống đột ngột. Ngoài ra, sức hút từ Mặt Trăng vào những thời điểm đó lên đến cực điểm và có những biến đổi rất bất thường gây

ra những kích thích địa chấn, gây biến đổi nhiều yếu tố của thời tiết, do đó tác động và gây nhiều thảm họa cho con người trên trái đất.

■ (Theo ABC news, CNN, MSN)



Trong quan niệm của người xưa, hiện tượng Mặt trăng máu (hay còn gọi Nguyệt thực đỏ) thường gắn liền với những tai ương khủng khiếp, dịch bệnh, biến cố lớn, ma quỷ xuất hiện tràn lan hay thậm chí là dấu hiệu của ngày tận thế.

PHẦN HAI BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH

VI CHỮNG QUẢN BẠCH VÂN ĐỘNG LÀ BẠCH Vân Hòa Thượng, một hóa thân của Đức Quan Thế Âm và Đức Quan Thế Âm là hóa thân của Từ Hàng Đạo Nhơn.

Trong Thánh giáo ngày 22-7-1926, Chí Tôn có cho biết: “*Người gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương*”.

TỪ HÀNG BỒ TÁT chứng quản từng Trời Phi Tướng Thiên trong Cửu Trùng Thiên. Ngài năng du ta bà thế giới thi pháp hộ trì vạn linh sanh chúng.

KINH ĐỆ BÁT CỬU

*Hơi Tiên tửu nực nồng thơm ngọt,
Phi Tướng Thiên để gót tôi nơi.
Mùi trần khi đã xa khơi,
Say sưa bầu khí bồi hồi chung phong..*

Từ Hàng Bồ Tát là một vị Phật, nhưng vì lòng thương xót chúng sanh, nên Ngài vẫn giữ nhiệm vụ cứu khổ, tế độ sinh linh đang bị đọa trần. Vì thế, danh hiệu Ngài được ví như chiếc thuyền từ bi cứu vớt người đưa qua biển khổ. Mặc dầu là Phật vị, nhưng Ngài vẫn xưng danh hiệu Bồ Tát, hay Đạo Nhơn và nhiều lần chiết Chơn linh giáng phàm để cứu độ quần linh.

Quan Thế Âm có nghĩa là quán chiếu, suy xét, lắng nghe âm thanh của thế gian. Theo Phẩm Phổ môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sở dĩ ngài mang tên gọi như vậy là do hạnh nguyện từ bi cứu khổ cứu nạn, mỗi khi chúng sanh bị khốn ách, nguy cấp liền nhất tâm niệm danh hiệu của bồ tát, ngài liền quán xét âm thanh đó, lập tức cứu họ thoát khỏi tai ách.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh, vị Bồ tát này mang tên là Quán Tự Tại dựa trên pháp môn tu tập của ngài. Khi quán chiếu thâm sâu vào chính mình, ngài nhận thấy năm uẩn không có tự tính và đều là giả tạm, ngộ ra được điều đó, ngài vượt thoát tất cả mọi khổ đau ách nạn.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật, đại diện Đức Phật Thích Ca, lãnh lĩnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhị Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Phật giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Trên tấm diềm phía trước Bát Quái Đài Tòa Thánh, tượng của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen, thuộc bên Nữ phái, phía tay mặt của Đức Lão Tử,

Trong LUẬT TAM THẾ, Bát Nương có giảng cơ dạy rằng:

«Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhân Động, còn Cung Điều Trì thì ở tại Tào Hóa Thiên.»

**Khán đặc phù sanh như thế KHÔNG,
Điền viên sản nghiệp diệc giai KHÔNG.**

Thê nhi phụ tử chung ly biệt,
Phú quý công danh tổng thị KHÔNG.
Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,
Kim ngôn bá kể nhứt trường KHÔNG.
Tiền tài thâm thập đa tân khổ,
Lộ thượng huỳnh tuyến lưỡng thủ
KHÔNG.

QUAN ÂM NHƯ LAI

Phạm Hộ Pháp thuyết đạo tại Tòa Thánh, ngày 28-6-Mậu Dần (dl 25-7-1938), có giảng đề tài: Tại sao thờ Tam Trấn Oai Nghiêm? Xin trích giảng:

“Bồi Hạ ngưng cận mãn, nhơn vật đổi dời, đạo đức nhơn nghĩa luân lý cang thường đều bị lượn sóng văn minh vật chất làm hư hoại. Tam giáo đã thất chơn truyền do nơi tay phạm canh cải thành ra dị đoan bất chánh, nên Đức Chí Tôn khai Đại Đạo là cơ quan chuyển thế, phục lại Thượng ngưng cho thuận theo lẽ tuần hoàn qui cố. Ba vị Tam Trấn hiện nay đức hạnh hoàn toàn, đủ tư cách độ đời, rọi gương cho đoàn hậu tấn”.

ĐỨC LÝ ĐẠI TIÊN: *Buổi còn tại thế, Ngài làm quan đời nhà Đường, danh lưu ngôn ngữ, đánh đuổi binh giặc bằng tinh thần, chẳng tốn lương thảo tướng binh, mà cả cơ nghiệp dựng hòa bình, bảo an thiên hạ. Tánh chất của Ngài không thích công danh phú quý, thường ưa vui thú cờ rượu thi ngâm, hưởng cảnh thanh nhàn non Tiên động Thánh. Ngài phế quan từ chức, mộ Đạo tu hành, mới đắc quả vị Đại Tiên. Nay là buổi Hạ ngưng, chấn hưng Tam giáo, Đức Chí Tôn chọn Ngài cầm quyền Nhứt Trấn Oai Nghiêm, thủ cơ truyền Đạo, lập Luật pháp, Nghị Định,*

Chơn truyền, công thường tội trừng, vô tú vô vị, chấp chương cơ quan, tạo thời cải thế, đương kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, thay mặt cho Tiên giáo.

ĐỨC QUAN ÂM BỒ TÁT: *Buổi còn sanh tiền, giữ trọn câu trung trinh tiết liệt, mộ đạo đức, chẳng mền cuộc phú quý vinh huê, đủ nghị lực, trọn tâm trải qua nhiều hoàn cảnh khổ sở truân chuyên mà chí tu hành không đổi, Bà mới đoạt thành phẩm vị Nữ Phật Tông Quan Âm Bồ Tát. Kỳ Phổ Độ thứ ba này, thừa lệnh Đức Chí Tôn cùng Diêu Trì Phật Mẫu, cầm quyền Nhị Trấn Oai Nghiêm, thay mặt Thích giáo, rọi gương bác ái từ bi, tế độ đoàn Nữ phái.*

ĐỨC QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN: *Ngài giáng trần nhưn đời Tam Quốc phân tranh, Ngài hết dạ tâm thành phò vua giúp nước, diệt tà tôn chánh, khuôn phò Lưu Tiên Chúa, giúp nên cơ nghiệp Hồn trào. Ngài giữ trọn Tam cương, Trung, Nghĩa, Chánh trực, Công bình, đến buổi qui vị thì dặng hiển Thánh, nhờ Phổ Tịnh Thiên sư khai linh nên dặng phi thăng yết kiến Thượng Đế. Về sau, Ngài tiếp tục tu hành, trừ tà diệt quỷ, cứu độ sanh linh, nên mới đặc phẩm Phật Đà Lam...*

Bởi Tam giáo qui phạm, thất chơn truyền, nên Đức Chí Tôn cho Tam Trấn cầm quyền vô vi lập Pháp Chánh Truyền đào tạo đời gọi là Chấn hưng Tam giáo. Tại sao thờ Tam Trấn? Tại thời kỳ khai Đại Đồng Tam giáo: Nho, Thích, Đạo qui nguyên, Đức Chí Tôn làm chủ cầm quyền Chương pháp cho phù hợp trong buổi Hạ nguơn tuần hoàn chuyển thế. Ba vị Tam Trấn chấp chương cơ quan mẫu nhiệm, trấn nhậm quyền hành, lập luật pháp, Đạo Nghị Định cho hiệp với Thiên thơ.

Vì thọ mạng lệnh Đức Chí Tôn nên trong toàn bốn

đạo phải để tâm thành kính và phụng thờ Tam Trấn”.

BẠCH VÂN ĐỘNG là gì?

Đức Hộ Pháp giải thích về Bạch Vân Động: “*Xưa nay người ta vẫn coi Nguyệt cầu (Mặt Trăng) là nơi dừng chân của những vị Thánh, Thần, trước khi xuống trần giới (Địa cầu) đầu thai. Các vị đó phải ở lại Nguyệt cầu ít lâu để liên lạc với Địa cầu, để quen lặn với đời sống ở thế gian này. Từ cổ, Thần thoại đã mệnh danh Nguyệt cầu là Bạch Vân Động (Quảng Hàn Cung). Cơ giảng ở Âu Châu, mệnh danh là LOGE BLANCHE (Bạch Động). Giáo chủ của Bạch Vân Động là Bạch-Vân Hòa Thượng, miếu duệ của Từ-Hàng Đạo-Nhơn.*

Bạch Vân Hòa Thượng đã hai lần giảng trần ở Pháp: một lần là Hồng Y Giáo Chủ Richelieu, một lần là Quận Công La Roche Foucault. Hữu phước thay cho dân tộc Việt Nam, Bạch Vân Hòa Thượng giảng trần chuyển kiếp làm dân Việt nam. Đó là Nguyễn Bình Khiêm, làm quan đến chức Trình Quốc Công nên còn gọi là Trạng Trình. Ngài có Thánh danh là Thanh Sơn Đạo Sĩ, Sư Phó Bạch Vân Động. Đức Phạm Hộ Pháp giảng:




“*Đức Quan Âm Bồ Tát đã cầm quyền điều khiển trong Càn Khôn Vũ Trụ này từ thứ đến giờ đã 52 kiếp. Ngài đã đầu thai thế gian này mấy kiếp, vì có tánh đức từ hòa và tinh thần đạo pháp mà thôi, tỷ như Bạch Vân Hòa Thượng. Bạch Vân là ai? Bạch Vân là Ngài. Ngày nay Ngài ở trong cửa Đạo, trong một cơ quan trọng yếu của Tam Kỳ Phổ Độ này... ta kêu là Thanh Sơn Đạo Sĩ tức nhiên là Trạng Trình đó vậy...*”

Chơn-linh của Quan Âm Bồ Tát cầm quyền điều-

khiến cả thời-gian.

TIẾT 1. TỪ HÀNG ĐẠO NHƠN & ĐỨC PHẬT QUAN ÂM

ĐỨC PHẬT QUAN ÂM (BODHISATTVA AVALOKITESHVARA)

		
Bodhisattva Avalokiteshvara, 900–1000. Nalanda, Bihar state, India. Stone	Tượng Đức Quan Thế Âm theo văn hóa Trung Hoa và Việt Nam	Bodhisattva Avalokiteshvara Musée National des Arts Asiatiques–Guimet, Paris

Bồ-tát Quán Thế Âm là một vị Bồ-tát nổi bật, được biết đến nhiều nhất trong tất cả các truyền thống Đại thừa, và đôi khi cả trong truyền thống Nguyên thủy.

Các học giả cho rằng vào đời Tống (960–1126) Ngài có hóa thân là thân nam. Tại Ấn Độ, Ngài thường được tô vẽ như là một hoàng tử trẻ đẹp, trên đầu đội mào có hình Phật ở giữa. Nhưng từ thế kỷ thứ 12 về sau, các hình tượng của Ngài khắp Á châu được biểu tượng bằng hình dạng của một vị Thánh nữ. Đó là vì theo quan niệm về tạo lập vũ trụ của Đạo giáo (Taoism) phải có sự quân bình giữa Dương khí (Yang) và Âm khí (Yin). Chính từ Đạo giáo hình ảnh Tây Vương Mẫu Xi Wangmu (the Queen Mother of the West) mới xuất hiện.

Phật Quán Thế Âm thể hiện tình thương vô điều kiện, minh triết và thương cảm nên hình ảnh này được phổ biến nhanh chóng trên khắp thế giới, tương tự như hình ảnh Đức mẹ MARIA trong Thiên Chúa giáo. Nhưng điều căn bản chúng ta phải biết đó là hình ảnh thị hiện, không nên chấp là Phật-Thân của Ngài. Khi đạt đến quả vị Phật, các vị có thể thị hiện ở bất kỳ hình tướng nào mà các vị thấy cần thiết.

ĐỨC PHẬT QUAN ÂM: Tên nguyên bản tiếng Phạn của vị Bồ-tát này là **Avalokiteśvara**. Tên tiếng Hán *Quán Thế Âm Bồ-tát* (觀世音菩薩) được phiên dịch từ tên tiếng Phạn này, “*Avalokiteśvara Bodhisattva*”.

Trong Phật giáo Trung Quốc được biết đến với tên gọi đơn giản là Quan Âm (**Guan Yin**). Tại Cam-pu-chia, ngài được gọi là **Lokesvarak**; ở Nhật Bản, ngài được gọi là **Kanzeon** hay **Kannon**.

Trong Kinh Đại bi Tâm Đà La Ni, đức Phật Thích Ca dạy ngài A-nan rằng trong vô lượng kiếp về trước, Quán Thế Âm Bồ-tát đã thành Phật, hiệu là *Chánh Pháp Minh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng Phu...* Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ-tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới hiện thân làm Bồ Tát, danh hiệu là *Quán Thế Âm*, thường trụ thế giới Ta-bà, đồng thời cũng là thị giả trợ tuyên chánh pháp cho Đức Phật A Di Đà ở Tây phương Cực Lạc.

QUÁN THẾ ÂM (Tiếng Phạn: अवलोकितेश्वर nghĩa là «*Đấng quán chiếu âm thanh của thế gian*») là một vị Bồ-tát hiện thân cho lòng từ bi của tất cả chư Phật có

nghĩa là quán chiếu, suy xét, lắng nghe âm thanh của thế gian. Theo Phẩm Phổ môn trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, sở dĩ Ngài mang tên gọi như vậy là do hạnh nguyện từ bi cứu khổ cứu nạn, mỗi khi chúng sanh bị khổ ách, nguy cấp liền nhất tâm niệm danh hiệu của Bồ tát, ngài liền quán xét âm thanh đó, cứu họ thoát khỏi tai ách.

Bồ tát Quán Thế Âm còn được biết đến với tên gọi Bồ tát Quan Âm, Bồ tát TỪ HÀNG hay TỪ HÀNG ĐẠI SÍ.

Om Mani Padme Hūṃ (chữ Devanāgarī: ॐ मणि पद्मे हूँ, tiếng Tây Tạng: ཨོཾ་མ་ནི་པ་དྭ་ཏཱཾ) là một câu Chân ngôn tiếng Phạn, được xem là chân ngôn cầu Quán Thế Âm Bồ Tát và là chân ngôn quan trọng và lâu đời nhất của Phật giáo Tây Tạng. Nó còn được mệnh danh là “*Lục Tự Đại Minh Chân Ngôn*” tức là “*Chân ngôn sáng rõ bao gồm sáu chữ*”.

Namo Avalokiteshvara Bodhisattva

(Nam mô Quan Thế Âm Bồ tát)

Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, người được dân chúng Tây Tạng xem như là một hóa thân của Đức Quan Thế Âm Bồ tát, đã giảng câu thần chú này như sau:

“Đọc tụng câu thần chú Om Mani Padme Hūṃ thì là rất tốt, nhưng trong khi bạn làm như thế, bạn nên nghĩ về ý nghĩa của nó, vì ý nghĩa của sáu âm là thâm sâu và rộng...”

- Trước tiên, **OM** tượng trưng cho thân, khẩu, và ý không thanh tịnh của hành giả; nó cũng tượng trưng cho thân, khẩu và ý thanh tịnh đáng tán dương của một vị Phật

Con đường tu được chỉ ra bởi bốn âm kế tiếp.

- **MANI**, có nghĩa là viên ngọc, tượng trưng cho những yếu tố của phương tiện, phương pháp : chủ yếu là tâm bồ đề, là đại từ, đại bi, lòng từ bi, vị tha để trở thành giác ngộ.
- Hai âm **PADME** có nghĩa hoa sen, tượng trưng cho trí tuệ, tuệ giác tánh Không
- **HUM** tượng trưng cho sự hợp nhất giữa phương tiện, phương pháp tu (là từ bi) và trí tuệ, tuệ giác tánh Không.

Như vậy sáu âm, **Om Mani Padme Hūm**, có nghĩa là trong quá trình thực hành một đường lối tu mà đó là một sự hợp nhất không thể phân chia được giữa phương tiện, phương pháp tu là lòng từ bi và trí tuệ, tuệ giác tánh Không (Emtyness). Bạn có thể biến đổi dần dần thân, khẩu và ý không thanh tịnh của bạn thành thân, khẩu, và ý thanh tịnh đáng tán dương của một vị Phật”

TIẾT 2. HỒNG Y GIÁO CHỦ RICHELIEU (1585–1642)



Ảnh internet

Armand Jean du Plessis de Richelieu, Cardinal-Duc de Richelieu (gọi ngắn gọn là **Hồng y Richelieu**).

Là một vị hồng y Công giáo Rôma, Richelieu còn được coi là một trong những chính trị gia lỗi lạc nhất của Pháp và là người có công đầu trong việc thống nhất nước Pháp. Ông sinh ra trong một gia đình thuộc dòng dõi quý tộc Poitou. Cha ông là một trọng thần trong triều đình Henry IV và từng tham gia chiến tranh tôn giáo dưới thời Vua Henry III nên được Henry III giao cho cai quản tôn giáo vùng Lucon. Năm Richelieu lên 5 tuổi cha ông mất trong chiến tranh tôn giáo Pháp, điều này khiến gia đình ông mất vị thế và phải sống trong cảnh nghèo. Năm ông lên 9 tuổi được gửi vào trường đại học Navarre (Pháp) để học triết học, sau đó người ta bắt đầu dạy quân sự cho ông.

Năm 1604 anh trai ông qua đời và Richelieu thay anh trai làm chức linh mục Lucon đến năm 1607 và được Giáo hoàng Giáo hội Rome sắc phong khi mới 22 tuổi. Trong hội nghị Ba đẳng cấp trước tình cảnh sắp xảy ra một cuộc chiến tranh tôn giáo mới tại Pháp, Richelieu bằng tài năng của mình ông đã khiến cho đại diện 3 đẳng cấp ký vào hòa ước. Nhờ vào công lao này ông đã được Thái Hậu hay Marie de Medicis (vợ Henry IV) (tên Ý là Maria de' Medici) chú ý tới và đến năm 1614 ông được Thái hậu bổ nhiệm vào chức vụ cố vấn của mình. Song không được bao lâu thì vua Louis XIII dưới sự trợ giúp của Charles de Luynes đã lật đổ Thái hậu và phe cánh của bà, Richelieu cũng bị bắt và đưa đi lưu đày.

Năm 1619 Thái hậu lấy lại được quyền lực, nhưng mâu thuẫn giữa Thái hậu và Louis XIII ngày càng trở nên nghiêm trọng và buộc phải nhờ đến Richelieu làm trung

gian hòa giải. Trong thời gian này ông là cầu nối giữa Thái hậu và Louis XIII nhờ đó mà quan hệ giữa hai mẹ con dần trở lên tốt đẹp.

Richelieu thăng tiến rất nhanh, năm 1622 ông được Giáo hoàng phong tước Hồng Y Giáo chủ. Đến năm 1624 ông được phong hàm Thượng Phụ và Quốc Phụ Khanh cai quản việc ngoại giao. Louis XIII đã bổ nhiệm ông đứng đầu Nội Các – Tế Tướng hay Thủ tướng theo cách gọi hiện đại khi ông mới ở tuổi 39. Ông cũng là thủ tướng đầu tiên trên thế giới. Ông đã đưa nước Pháp thành một nước tập trung quyền lực cao độ. Mặc dù trên cương vị là một Hồng y nhưng ông vẫn liên minh với các vị vua Tân giáo để đạt được mục đích chính trị của mình.

Ông cũng đưa nước Pháp can thiệp vào Chiến tranh Ba mươi năm, đồng thời ông cũng giúp nước Pháp mở rộng tầm ảnh hưởng của mình ra khu vực Bắc Mỹ. Ông cũng là nhà bảo trợ cho các môn nghệ thuật và khoa học, ông đã lập ra ủy ban nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến tiếng Pháp. Trong 18 năm cầm quyền của mình trên cương vị Thủ tướng, ông được coi là nhân vật quyền lực và có ảnh hưởng nhất Châu Âu thời bấy giờ. Sự kiện quan trọng nhất trong sự nghiệp cầm quyền của ông là việc can thiệp vào chiến tranh Ba mươi năm vốn đã nhận chìm châu Âu trong cảnh loạn lạc.

Ông cũng có công ủng hộ Samuel de Champlain trong việc giành lại Quebec, sau đó chứng kiến việc ký kết Hiệp ước Saint-Germain-en-Laye giúp cho Thành phố Quebec nằm dưới quyền cai trị của người Pháp và do Champlain trực tiếp quản lý, sau khi khu định cư này bị chiếm bởi Kirkes vào năm 1629. Sự kiện này cho phép

thuộc địa Quebec trở thành nơi phát triển chính của nền văn hóa Pháp ở Bắc Mỹ.

Richelieu còn nổi tiếng vì sự bảo trợ của ông đối các môn nghệ thuật; mà thành quả lớn nhất là ông đã thành lập Académie Française, là một hội nghiên cứu các vấn đề liên quan đến tiếng Pháp.

Richelieu cũng được biết đến với biệt danh l'Éminence rouge (“*Quân sư Đỏ*”), bắt nguồn từ kiểu áo lễ màu đỏ tối của hồng y.

Năm 1642 Richelieu qua đời do bệnh lao phổi và những biến chứng của nó.

TIẾT 3. TRIẾT GIA FRANÇOIS VI, DUKE DE LA ROCHEFOUCAULD (1613–1680)



(Ảnh internet)

La Rochefoucauld là một dòng họ quý tộc cổ kính của nước Pháp. Khởi nguồn từ thế kỷ XI với Foucauld I senior de La Roche mà hậu duệ của ngài cho tới hôm nay

vẫn sống trong tòa lâu đài của dòng họ gần Angouleme.

Những người con trai lớn của dòng họ này nhiều đời là cố vấn của các vị vua Pháp. Nhiều đại diện của dòng họ này đã được lưu danh thiên sử.

Nhân vật của chúng ta thuộc đời thứ sáu của dòng họ La Rochefoucauld. Đó là Công tước Francois VI La Rochefoucauld, hoàng tử Marcillac. Tuy nhiên, ông lưu danh hậu thế không phải bởi tước vị hay dòng tộc quý tộc của mình mà trong tư cách nhà văn, nhà triết học với những chiêm nghiệm nhân sinh đã được đúc kết thành những câu danh ngôn bất hủ.

La Rochefoucauld sinh ngày 15/9/1613 ở Paris. Cha ông vốn là quan ngự trang của hoàng hậu Marie de Médicis, lấy vợ là bà Gabrielle du Plessis – Liancourt một người danh giá.

Sau khi cậu con trai chào đời, người mẹ đưa con về điền trang ở Angoumois. Tuổi thơ của nhà triết gia tương lai đã trôi qua ở đó, còn cha ông đã ở lại cung đình phục vụ hoàng gia. Chỉ sau một thời gian ngắn, hoàng hậu đã phong cha ông hàm trung tướng phụ trách tỉnh Poitou. Hoàng tử Marcillac được thừa hưởng một nền giáo dục điển hình dành cho con nhà quý tộc. Tuy nhiên, ông chỉ thích thú đọc tiểu thuyết, đặc biệt là những cuốn viết về các hiệp sĩ, phiêu lưu... vốn rất phổ biến hồi đầu thế kỷ XVII. Các nhân vật chính trong đó dù là những chiến binh siêu hạng hay những trang nam nhi hào hoa phong nhã đều trở thành thần tượng cho lớp trẻ quý tộc.

La Rochefoucauld bị gọi là người bi quan nhưng có lẽ ông chỉ là một người thực tế, tinh táo và điềm tĩnh

nhìn nhận mọi sự trên đời, cả hay lẫn dở, cả vui lẫn buồn, coi tính ích kỷ là một định đề thiên phú có thể giúp lý giải mọi điểm yếu của con người... Tuyển tập danh ngôn “*Maximes*”, một bộ bách khoa toàn thư về những quy tắc sống đã trở thành một trong những thành tựu lớn nhất trong nền văn chương, triết học của nước Pháp. Xuất bản lần đầu của tập sách này là vào năm 1665, sau đó đã được tái bản nhiều lần...

Ông mất ngày 17/5/1680 ở Paris.



TIẾT 4. THANH SƠN TIÊN ÔNG & TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM

I. THÂN THẾ & SỰ NGHIỆP NGUYỄN BÌNH KHIÊM (1491–1586)



Nguyễn Bình Khiêm sinh năm Tân Hợi (1491) đời vua Lê Thánh Tông. Ông người làng Trình Tuyên (Trung Am) huyện Vĩnh Lại (nay là Vĩnh Bảo, Hải Phòng). Thân phụ ông là Thái bảo Nghiêm quận công Nguyễn Văn Định; thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái quan Thượng thư Nhữ Văn Lan, là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số.

Thời ấy có quan Bảng Nhãn Lương Đắc Bằng, nổi tiếng văn chương quán thế, ông bèn tìm đến để xin nhập học. Lương Công là người làng Hội Trào, thuộc huyện Hoàng Hóa, lúc Ngài phụng mệnh sang sứ nhà Minh, có học được phép Thái Ất Thần Kinh của người cùng họ, tức là dòng dõi của Lương Nhữ Hốt (ông Hốt trước hàng nhà Minh, được phong tước là Lãng Lãng Vương). Lương Công rất tinh thông về lẽ huyền vi, đem truyền lại

cho ông Nguyễn Bình Khiêm. Đến khi Ngài bị ốm nặng, đem con là Lương Hữu Khánh ký thác với ông, ông sẵn sóc dạy dỗ chẳng khác con mình, sau này Lương Hữu Khánh cũng được thành đạt.

Những năm Quang Thiệu (1516–1526), gặp lúc loạn lạc, ông về ẩn cư để dạy học trò, lấy Đạo làm vui, chẳng cầu danh tiếng, nhưng sang đến thời đầu niên hiệu Thống Nguyên (tức Lê Hoàng Đế Thung) thì Trịnh Tuy và Mạc Đăng Dung đều có ý hiếp chế Thiên tử để sai khiến chư hầu, hai bên gây cuộc nội chiến, khiến trong nước chịu cảnh lầm than, lúc ấy ông có cảm hứng một bài thơ rằng:

*Thái hòa vũ trụ bất Ngu Chu,
Hỗ chiến giao tranh tiểu lương thù.
Xuyên huyết sơn hà tùy xú hữu,
Uyên ngư từng trước vị thủy khu.
Trùng hưng dĩ bích độ giang mã,
Hậu hoạn ứng phòng nhập thất khu.
Thế sự đảo đầu hưu thuyết trước,
Túy ngâm trạch bặt nhậm nhàn du.*

DỊCH:

*Thái hòa chẳng thấy cảnh Ngu Chu,
Hai phái thù hằn chém giết nhau.
Nhuộm máu phơi xương đã khắp chốn,
Xua chà đuổi sẻ vị ai đâu?
Trùng hưng đuổi ngựa qua sông trước,
Hậu hoạn phòng beo tiến cửa sau.
Ngán nỗi việc đời thôi phó mặc,
Say rồi dạo suối hát vài câu.*

Vì tình hình đất nước không ổn định nên mãi đến

năm Giáp Ngọ (1534), khi 43 tuổi Nguyễn Bình Khiêm mới đi thi, đỗ ngay giải Nguyên, năm sau đi thi Hội, lại đỗ Hội nguyên, đi thi Đình, đỗ ngay Trạng nguyên. Ông được bổ chức Đông Các Hiệu Thư, rồi thăng chức Hữu Thị Lang Hình Bộ, sau thời gian ngắn lại thăng chức Tả Thị Lang, kiêm chức Đông Các Đại Học Sĩ. Ông làm quan cho nhà Mạc được tám năm, đến đời Mạc Phúc Hải, thấy triều đình lắm kẻ gian thần, lộng quyền, đục khoét, ông dâng sớ chém mười tám lộng thần đều là những kẻ quyền quý cả. Vua Mạc không nghe. Ông trả lại mũ áo, cáo quan về mở trường dạy học (1542). Năm ấy ông mới 52 tuổi, dựng Am Bạch Vân ở phía tả chỗ làng ông ở và lấy hiệu là **Bạch Vân Cư Sĩ**. Ông có dựng một ngôi quán gọi là Trung Tân ở bến Tuyết giang, có bia để ghi sự thực. Ngoài ra, ông còn tu bổ chùa chiền, có lúc cùng các lão tăng đàm luận, có khi thả một con thuyền dạo chơi Kim Hải, Úc Hải để xem đánh cá. Còn chỗ danh sơn thắng cảnh, ông cũng chống gậy trèo lên, thừa hứng ngâm vịnh, quên cả sớm chiều; quả là một vị Thần Tiên. Ông mất ngày 28-11-năm Ất Dậu, thọ 95 tuổi. Nhà vua truy tặng Nguyễn Bình Khiêm tước Thái phó Trình Quốc Công.

Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm, ngoài việc dùng thi ca ngâm vịnh làm thú tiêu khiển, Ngài còn dùng văn chương để giáo hóa người đời, truyền bá những tư tưởng đạo đức, giác ngộ dân chúng. Cuốn Bạch Vân Gia Phả Bí Truyền Tập còn gọi là SẮM TRẠNG TRINH. Một điều khá lý thú là cách đây ngót 500 năm, ngay trang đầu của tập “*Trình tiên sinh quốc ngữ*” của Trạng Trình có ghi: “*Việt Nam khởi tổ xây nền*”, khẳng định nước ta tên là VIỆT NAM. Một sự tiên đoán vô cùng chính xác.

II. THANH SƠN ĐẠO SĨ TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Thanh Sơn Đạo Sĩ 青山道士 là Thánh hiệu của Chơn linh Nguyễn Bình Khiêm. Ngài là Sư Phó chưởng quản Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng. Ngài là một vị Đại tiên tên DIỆU VÕ TIÊN ÔNG.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cùng với hai vị Thánh của Bạch Vân Động là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (Victor Hugo) và Trung Sơn Chơn Nhơn (Tôn Văn) được lệnh Đức Chí Tôn chép Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước lên tấm bảng đá để công bố cho toàn cả nhơn loại rõ, nếu ai thực thi được bốn chữ BÁC ÁI – CÔNG BÌNH thì được Đức Chí Tôn cho về cõi Thiêng liêng Hằng sống.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ theo lệnh của Ngọc Hư Cung, cho các vị Thánh trong Bạch Vân Động giáng trần để Đức Chí Tôn lập thành Hội Thánh buổi đầu khai ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Các vị Thánh nơi Bạch Vân Động còn có nhiệm vụ hộ giá Đức Phật Mẫu mỗi khi Đức Phật Mẫu du hành xuống cõi trần, nên khi cúng Đức Phật Mẫu, chúng ta đều niệm câu chót là: “*Nam mô Bạch Vân Động chư Thánh.*”

Dưới đây là bài Kinh xưng tụng công đức của Đức Thanh Sơn Chơn Nhơn và Nguyệt Tâm Chơn Nhơn.

*Bạch Vân Động đèn hồng chói tỏa,
Thanh Sơn đài Diệu Võ Tiên Ông.
Bấy lâu tu luyện thành công,
Đắc thành chánh quả độ trong Tam Kỳ.
Nguyễn Bình Khiêm tâm Tiên ẩn dạng,
Trình Quốc Công là trạng nhà Nam.
Sớm khuya ẩn chốn thanh am,*

*Tu tâm luyện tánh chẳng ham mển trần.
Tìm chân lý ngộ gần Tiên Thánh,
Học vô vi dạng lánh phàm gian
Thú vui hai chữ thanh nhàn,
Thong dong tự tại chẳng màng dai cần.*

TIẾT 5. TRUNG SƠN CHƠN NHƠN & TÔN DẬT TIÊN (SUN YAT SEN)

I. THÂN THỂ & SỰ NGHIỆP TÔN DẬT TIÊN (1866–1925)



A. THÂN THỂ TÔN VĂN

Ông họ Tôn tên Văn tự Dật Tiên, sinh năm 1866 tại tỉnh Quảng Đông, huyện Trung Sơn, nên ông cũng lấy hiệu là Trung Sơn. Cha mẹ chuyên vốn nghề nông nhà nghèo. Lúc nhỏ ông theo anh là Tôn Đức Chương sang ăn học tại Hawaii (Đàn Hương Sơn – thủ đô quần đảo Honolulu (Hạ-Uy-Di) thuộc Mỹ Quốc. Đến năm 18 tuổi ông trở về Quảng Đông rồi học ở trường Y Khoa Hương Cảng. Ông sớm được hấp thụ văn hoá Mỹ-Quốc nên có những tư tưởng không chịu khuất phục dưới chế độ độc tài của Triều Thanh lúc bấy giờ.

– Sau trận Trung Nhật chiến tranh (năm Giáp Ngọ) ông trở qua Đền Hương Sơn tổ chức Hưng Trung Hội, cổ xúy nhóm kiều bào của ông ở ngoại quốc tham gia phong trào cách mạng, lúc ấy ông được 29 tuổi.

B. TÔN DẬY TIỀN & CÁCH MẠNG TÂN HỢI

– Đến năm 1905 ông đề xướng chủ nghĩa Tam Dân và Ngũ Quyền Hiến Pháp.

* TAM DÂN: Dân Quyền, Dân lập, Dân sanh.

* NGŨ QUYỀN: Quyền Lập Pháp, quyền Hành Pháp, quyền Tư Pháp, quyền Phúc Quyết (Tức quyền của nhân dân được phủ quyết Pháp Luật hay Chính Phủ hay Nghị Viện lập ra) và Quyền Bãi miễn (tức quyền dân được cách chức tham quan ô lại).

– Ông sang Nhật Bản tổ chức tại Đông Kinh đảng Trung Quốc Cách Mạng Đồng Minh Hội kết tụ được nhiều bạn đồng chí như: Huỳnh Hưng, Hồ Hán Dân, Uông Tinh Vệ... quyết đánh đổ đế chế Nhà Thanh.

– Phần uất vì thất bại nhục nhã sau các cuộc Chiến tranh Nha phiến (1840–1842 và 1857–1860), Chiến tranh Thanh–Nhật (1894–1895), đặc biệt là việc liên quân tám nước kéo vào cướp phá Bắc Kinh (1900) cùng với đó nhân dân Trung Quốc muốn thực hiện cải cách thể chế chính trị và phế bỏ nhà Thanh. Ngoài ra cao điểm nhất là vào thời điểm nhà Thanh thực hiện «*Quốc hữu hóa đường sắt*», trao quyền kinh doanh tuyến đường sắt Việt–Hán và xuyên Hán cho cả bốn đế quốc Anh, Mỹ, Pháp và Đức.

Theo suy nghĩ của những người đương thời, thì nhà Thanh là một chính quyền do ngoại tộc (Mãn Châu) làm chủ, vừa hèn yếu thối nát, vừa ngăn trở đất nước phát triển

theo đường lối tư bản. Lúc bấy giờ có Tôn Dật Tiên (còn gọi là Tôn Văn hay Tôn Trung Sơn) hiểu rõ ý nguyện của dân, ông sáng lập Đồng Minh hội tại Nhật Bản với cương lĩnh “*Đánh đuổi giặc Thát Mông cổ, khôi phục Trung Hoa, lập chính phủ hợp quần*».

Theo sử liệu, thì Cách mạng Tân Hợi thành công không phải ngẫu nhiên, mà là kết quả của cuộc vận động cách mạng lâu dài và các cuộc nổi dậy trước đó, mà công đầu là Đồng Minh hội do Tôn Dật Tiên làm Tổng lý. Theo học giả Nguyễn Hiến Lê, thì trước khi Cách mạng Tân Hợi nổ ra, Tôn Dật Tiên và đảng cách mạng của ông đã tổ chức 10 cuộc khởi nghĩa chống Thanh nhưng đều bị thất bại.

Đến ngày 9 tháng 5 năm 1911, Thanh đình ra sắc lệnh «*Quốc hữu hóa đường sắt*» nhưng thực chất là trao quyền kinh doanh cho bốn nước là Anh, Mỹ, Pháp và Đức. Lập tức lần lượt ở Hồ Nam, Hồ Bắc, Quảng Châu, Tứ Xuyên... nhân dân nổi lên chống đối vì họ cho rằng Thanh đình đã bán rẻ quyền lợi dân tộc. Thanh đình bèn ra lệnh trấn áp phong trào quyết liệt, cấm báo chí đưa tin, cấm bãi thị, bãi khóa, diễn thuyết và cho giải tán các hội đồng bảo vệ đường sắt... Ngày 7 tháng 9 năm 1911, Tổng đốc Tứ Xuyên là Triệu Nhĩ Phong phái người đến mời các thủ lĩnh trong hội bảo vệ đường sắt đến dinh thương lượng, nhưng sau đó cho lính bắt tất cả. Thấy điều bạo ngược, hàng vạn người dân Thành Đô (tỉnh lỵ của tỉnh Tứ Xuyên) kéo đến dinh Tổng đốc đòi thả người, nhưng bị Triệu Nhĩ Phong ra lệnh nổ súng làm chết 32 người và làm bị thương nhiều người khác. Cảm phẫn tột độ, phong trào bãi khóa, bãi thị lan rộng ra toàn tỉnh Tứ Xuyên, về

sau phát triển mạnh thành cuộc khởi nghĩa Thành Đô, buộc triều Thanh phải đem quân từ Hồ Bắc về trấn áp.

Ngày 11 tháng 10, tức ngay khi làm chủ được Vũ Xương, các thủ lĩnh cách mạng cùng với các đại biểu phái lập hiến họp thảo luận việc lập chính phủ mới. Hội nghị đã quyết định đổi quốc hiệu nước là Trung Hoa Dân quốc, cử Lê Nguyên Hồng thuộc phái lập hiến chỉ huy quân chính phủ. Hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Vũ Xương, các tỉnh khác lần lượt giành lấy chính quyền, hoặc tuyên bố độc lập. Như vậy, quân cách mạng trong một thời gian ngắn đã trực tiếp hoặc gián tiếp làm tan rã đế quốc Mãn Thanh rộng lớn. Tôn Dật Tiên từ Mỹ về nước. Sau đó (10 tháng 11 năm Tân Hợi, tức là ngày 29 tháng 12 năm 1911), ông được đại biểu của 17 tỉnh dự họp bầu làm Đại tổng thống lâm thời (Lê Nguyên Hồng làm phó).

Ngày 1 tháng 1 năm 1912 là ngày khai sinh chính quyền Trung Hoa Dân quốc.

Được tin, Viên Thế Khải (Yuan Shikai 袁世凱; 16-9-1859 — 6-6-1916) đại thần nhiếp chính kiêm thống soái của nhà Thanh (QING Dynasty) liền tìm mọi cách tấn công vào chính quyền mới. Vừa bị Viên uy hiếp, vừa bị các nước đế quốc thu hết thuế quan (họ không công nhận chính phủ của Tôn Dật Tiên), nên chính phủ Cộng hòa gặp rất nhiều khó khăn. Để chấm dứt cuộc nội chiến, Tôn Dật Tiên đã đề xuất hiệp nghị 5 điều, trong đó có điều khoản là nếu Viên Thế Khải lật đổ được Thanh đình thì sẽ được bầu làm Đại tổng thống. Viên Thế Khải bằng lòng, bèn mật sai Đoàn Kỳ Thụy hiệp với 40 tướng lãnh khác uy hiếp Hoàng đế nhà Thanh thoái vị. Ngày 12 tháng 2 năm 1912 (năm đầu Dân quốc), Hoàng đế Tuyên Thống

(tức vua Phổ-nghi PU YI) phải xuống chiếu thoái vị để hoàng tộc còn được hưởng một số điều kiện ưu đãi của Chính phủ Dân quốc.

Sau đó, Tôn-Văn nhượng chức Đại Tổng-Thống cho Viên-Thế-Khải. Ngày 10 tháng 3 năm 1912, Viên Thế Khải nhậm chức Đại Tổng thống ở Bắc Kinh. Nước Cộng hòa của giai cấp tư sản do Tôn Trung Sơn lãnh đạo đã “*nửa đường đứt gánh*”. Viên Thế Khải, kẻ đại diện cho thế lực phong kiến và đế quốc đã đánh cắp thành quả của cách mạng Tân Hợi, mở đầu ách thống trị của Quân phiệt Bắc Dương. Sau khi Viên Thế Khải lên làm Đại tổng thống, tuy phá cách mạng không hoàn toàn bị loại bỏ, nhưng những chức vụ chủ chốt trong chính quyền đều vào tay phe của Viên. Theo sử liệu thì đây là chính quyền mà ngoài thì treo chiêu bài «*Trung Hoa Dân quốc*», nhưng bên trong là phái của Viên cấu kết với đế quốc chống lại phái cách mạng. Sau đó, Viên Thế Khải bắt Quốc hội thừa nhận ông là Đại tổng thống chính thức (Lê Nguyên Hồng làm phó). Đầu năm 1914, Viên Thế Khải giải tán luôn Quốc hội.

C. CÁCH MẠNG LẦN THỨ HAI

Năm 1916, Khải phản bội chế độ Cộng-Hòa và xưng Hoàng Đế tại Bắc-kinh, trở lại chế-độ quân chủ. Thấy tình hình xấu đi, Tôn Dật Tiên sang Nhật bản vào cuối năm 1913 kêu gọi cuộc cách mạng lần thứ nhì dẹp bỏ chế độ phong kiến của vua Viên Thế Khải. Các Tướng lãnh quân đội, các Tỉnh-trưởng Trung quốc hưởng ứng nổi lên phản-đối quyết liệt. Ngày 6-6-1916 Viên-Thế-Khải chết vì bệnh uremia ở tuổi 56 vì sắc dục và ăn uống quá độ.

Còn ngài Tôn Dật Tiên mất vào ngày 12 tháng 3 năm

1925 (18-2-Ất Sửu) vì bệnh ung thư gan tại một bệnh viện ở Bắc kinh. Ngài hưởng thọ 59 tuổi và được tôn xưng là Quốc phụ của Trung Hoa. Ngài để lại di chúc với những ý chính như sau:

- Đảng-viên quốc-dân-đảng phải nỗ lực cách mạng.
- Triệu tập quốc dân hội nghị.
- Phế trừ các điều bất bình đẳng mà Viên Thế Khải đã ký với ngoại bang

Cái chết đột ngột của Tôn-Văn là một thất bại lớn cho cao trào cách mạng của Trung-Hoa. Sau 14 năm làm cách mạng (1911- 1925), Ngài đã đạt được hai thắng lợi:

- Lật đổ triều đình Mãn-Thanh,
- Thành lập nước Trung-Hoa dân-quốc với chế độ Dân chủ Cộng hòa.

D. TRIẾT LÝ CỦA CHỦ NGHĨA TAM DÂN

Triết lý của Tôn Dật Tiên chịu ảnh hưởng lớn từ các cuộc cải cách lớn ở Hoa Kỳ và từ tổng thống ABRAHAM LINCOLN. Một đoạn trong diễn văn Gettysburg nổi tiếng của Abraham Lincoln được ông cho là nguồn cảm hứng của chủ nghĩa TAM DÂN: Một chính quyền của dân, do dân và vì dân.

Chủ nghĩa TAM DÂN bao gồm ba yếu tố cơ bản nhất là: **dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc.**

Chủ nghĩa này được nhiều nước thực thi, tuy nhiên kết quả lại rất khác biệt. Một số nước tôn trọng tinh thần tự do mà Tôn Dật Tiên theo đuổi; một số sử dụng nó như lớp vỏ bọc ngoài còn bên trong cốt lõi áp dụng lại là một chủ thuyết khác!

II. TRUNG SƠN CHƠN NHƠN TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Trong Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ, Đức Tôn Văn giáng cơ xưng là TRUNG-SƠN CHƠN-NHƠN, đệ tử của Đức Trạng-Trình Nguyễn-Bính-Khiêm, là một trong ba vị gọi là TAM THÁNH, công bố bản Thiên Nhơn Hòa-ước kỳ ba:

Nếu ai thực thi hai điều: THƯƠNG YÊU và CÔNG-CHÁNH (l'amour et la justice) trong đời sống sẽ được giải thoát về cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

Ba vị Thánh-nhân đây là Thiên-sứ, đặc lệnh làm hướng đạo cho nhân-loại để thực hành ĐỆ TAM THIÊN NHƠN HÒA-UỐC trong kỳ cứu độ này.

Chúng ta biết thêm rằng, Chơn linh của Trung Sơn Chơn nhơn đã có hai kiếp giáng trần:

- lần đầu thai xuống Việt Nam chính là NGUYỄN TRÁI (1380-1442), vị khai quốc công thần của nhà hậu Lê, giúp Lê Lợi chiến thắng quân nhà Minh.
- lần đầu thai vào nước Trung Hoa chính là TÔN DẬT TIÊN, được tôn sùng như quốc phụ của nước này vì giúp chấm dứt chế độ phong kiến nhà Thanh, mang lại tự do dân chủ cho người dân.

TIẾT 6. NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN & VICTOR HUGO



*Lòng khoan dung là
tôn giáo tuyệt vời nhất.
-Victor Hugo-*

I. THÂN THẾ & SỰ NGHIỆP VICTOR HUGO (1802–1885)

NĂM & NƠI SINH:

Victor Marie Hugo sinh ngày 26-2-1802 tại Besancon nước Pháp.

CHA MẸ:

- Cha ông tên Joseph Léopold Sigisbert Hugo (1773–1828). Ông Joseph đã phục vụ quân đội Pháp trong thời kỳ cách mạng và lên tới cấp bậc đại tá. Về sau, do lòng dũng cảm và công trạng chiến trường, trở thành một vị tướng trong quân đội dưới triều vua Napoléon.
- Mẹ là Sophie Trébuchet (1772–1821), gốc ở Bretagne. Ông Léopold thường ở ngoài mặt trận, chỉ huy quân đội. Bà Sophie sống tại Paris với các con và qua đời vì bệnh.

VỢ CON:

- **Vợ:** Adèle Julie Foucher (1803–1868).
- **Các con:** có 5 người con mang tên theo thứ tự như

sau: Leopold Hugo (1923–mất hai tháng sau khi sinh), Leopoldine Hugo (1824–1843), Charles Melanie Abel Hugo (1826–1871), Francois-Victor Hugo (1828–1873), Adèle Hugo (1830–1915)

SỰ NGHIỆP

– Năm 1816, Victor theo học tại trường Trung học Louis Le Grand. Tại trường trung học, Victor Hugo là một học sinh xuất sắc về Toán và Văn chương. Đến cuối năm 1817, Victor lúc 15 tuổi đã có tập thơ đầu tiên: *Poésies diverses* gồm mấy ngàn câu thơ. Khi Hàn Lâm Viện Pháp mở một cuộc thi về thơ với đề tài “*Cái vui của sự học trong mọi hoàn cảnh của đời người*”, Victor liền làm xong một bài thơ gồm 334 câu, được xếp hạng 9. Thi đàn Académie des Jeux floraux ở Toulouse tổ chức một cuộc thi về thơ với đầu đề “*Dựng lại tượng vua Henri IV*”. Victor dự thi và dùng thể thơ 12 cước xen lẫn 8 cước, kỹ thuật đã cao, cân đối nhịp nhàng. Bài được chấm giải nhất, thắng cả Lamartine, lúc đó hơn cậu 10 tuổi.

– Năm 1825 nhà báo Charles Nodier đã mời Victor Hugo tham gia vào nhóm các nhà viết văn thuộc trường phái lãng mạn (Romanticism). Vào thời kỳ này, Victor Hugo đã phổ biến một loại báo văn học có khuynh hướng ôn hòa với tên là *Muse Francaise* (Thi Thần nước Pháp, 1823–24).

– Năm 1825, Victor được ân tứ Bắc Đẩu Bội Tinh, cùng một lượt với Lamartine.

– Năm 1841, Victor được bầu vào Hàn Lâm Viện Pháp

– Năm 1848, cách mạng Pháp bùng nổ lật đổ vua Louis Philippe và thành lập chế độ cộng hòa. Victor Hugo

ủng hộ chính phủ cộng hòa. Louis Napoléon Bonaparte được dân chúng ủng hộ nồng nhiệt và sau đó đã đắc cử Tổng Thống. Sau, thấy Napoléon lo củng cố địa vị đăng làm vua chớ không mở rộng tự do dân chủ, Victor trở lại chống Napoléon. Ngày 2-12-1851 Louis Bonaparte giải tán Quốc Hội, tự mình lên ngôi Hoàng đế, lấy hiệu là Napoléon III. Victor Hugo vội đi tìm các bạn, tập hợp lại, hô hào tranh đấu, viết tuyên ngôn, tổ chức biểu tình lật đổ Napoléon III. Nhưng dân chúng Pháp đã chán nản cảnh hỗn loạn đổ máu, nên phong trào xẹp dần.

ĐƯỜNG ĐẾN TÂM LINH (1853)

Từ 1851 đến 1870 là giai đoạn sống lưu vong của ông. Victor Hugo qua được Bruxelles nước Bỉ. Ông chuyển qua ở Saint Héliier của đảo Jersey thuộc nước Anh, gần bờ biển nước Pháp.

Tháng 8 năm 1852, cả nhà đều qua tới đảo Jersey. Một việc lý thú xảy đến với Victor Hugo lúc ở đảo Jersey là Bà Delphine de Girardin từ Pháp qua thăm, bày cho Ông cầu cơ giao tiếp các chơn linh vô hình. Họ dùng một cái Bàn quay và đồng tử. Cầu năm đêm liên tiếp, cơ không lên. Khi Victor Hugo tò mò đến xem thì cơ lên liền. Bà Girardin hỏi: Ai đó? Cái bàn trả lời: Léopoldine (Tên đứa con gái lớn bị chết đuối với chồng năm 1843 khi đi du lịch). Victor Hugo rất ngạc nhiên, hỏi Léopoldine đủ thứ chuyện.

Đêm 11-9-1853, buổi xây bàn được tổ chức, có mặt Ông bà Victor Hugo, hai con là Charles Hugo, Francois Hugo, và năm người bạn. Đêm ấy, vong linh Cô Léopoldine giáng bàn thăm hỏi cha mẹ và tiết lộ nhiều điều huyền bí nơi cõi vô hình.

Đêm 13-9-1853, tiếp tục xây bàn, có vong linh xưng là Bóng Hư Linh, giáng bảo Victor Hugo hãy đặt trọn đức tin vào Thượng Đế. Tiếp tục xây bàn, Victor Hugo thông công được với các Đấng như: Socrate, Luther, Mahomet, Jésus, Moise,... và với các danh nhân như: Shakespeare, Molière, Racine,... Có nhiều vong linh ẩn danh xưng Sứ giả Thượng Đế, Người trong cõi mộng, Bóng dưới mồ, Thần chết,... cũng có giáng bàn.

Đêm 11-10-1853, nhận thấy những điều tiết lộ, những lời khuyên bảo, những giáo lý và triết lý nhận được từ cõi vô hình nhờ vào việc xây bàn rất hữu ích cho loài người, Victor Hugo hỏi vong linh đang giáng:

– Những lời vàng ngọc mà chúng tôi nhận được từ bấy lâu nay, thật đáng xem là một chơn truyền quý báu, chúng tôi có nên in thành sách để phổ biến cho mọi người cùng học đặng chăng?

Vong linh ấy đáp:

– Không, vì chưa đến ngày giờ.

– Đến bao giờ? Chúng tôi còn sống đến ngày đó không?

– Nếu không thấy nơi này thì sẽ được thấy ở nơi khác. Chừng đến ngày giờ, sẽ có lệnh. Hiện tại, có thể phổ biến hạn chế cho những người có đức tin.

Kể từ đó, V. Hugo rất tin tưởng những vấn đề siêu hình, sự bất diệt của linh hồn, sự hiện hữu của Thần linh.

Về sau, những Thánh giáo trong các cuộc xây bàn nói trên được ông Gustave Simon in thành sách với tựa đề là: LES TABLES TOURNANTES de JERSEY chez VICTOR HUGO. Sách này được tái bản mười lần, làm

chấn động dư luận nơi nước Pháp và thế giới

TRỞ VỀ TỔ QUỐC

Năm 1870, Pháp đánh thua Đức luôn ba trận. Victor Hugo trở về Paris. Rất đông dân chúng ra tận ga đón rước Ông. Victor Hugo được bầu làm đại biểu của Quốc Hội Pháp vào năm 1871 nhưng sau một tháng, ông đã từ chức. Năm 1873, Victor Hugo trở lại thành phố Paris và được bầu vào Thượng Viện (the Senate). Ông chống lại các hình thức độc tài mới. Nhưng phe quân chủ vẫn thắng thế hơn, thương thuyết với Đức xin đình chiến và chịu bồi thường chiến tranh.

Bao nhiêu chương trình dự định thực hiện của Ông đều không thành tựu như: Bãi bỏ án tử hình, cải thiện tư pháp, thành lập Liên bang Âu châu, giáo dục miễn phí và cưỡng bách, tăng quyền lợi cho phụ nữ. Victor Hugo chán nản, nên quyết định rút lui khỏi Quốc hội. Ông trở về đời sống của người văn nghệ sĩ thuần túy.

Năm 1882, Lễ thượng thọ 80 tuổi của Victor Hugo được tổ chức lớn như Lễ Quốc Khánh. Thủ Tướng Jules Ferry, đại diện chánh phủ Pháp đến chúc thọ Ông, dân chúng và học sinh diễn hành qua trước nhà và đại lộ trước nhà Ông được mang tên Hugo. Victor Hugo đã đạt đến tột đỉnh vinh quang của người cầm bút. Chưa có văn thi sĩ nào từ xưa tới nay được như vậy.

Vào mùa hè năm 1883, nhà văn hào đã để lại những điều dặn dò như sau:

- Tôi cho những kẻ nghèo 50,000 quan.
- Tôi ước mong được mang tới nghĩa trang trong quan tài của người nghèo khó.

- Tôi từ chối các lời cầu nguyện của tất cả nhà thờ.
- Tôi tin tưởng nơi Thượng Đế.
- Bản thảo tặng cho Thư viện Quốc gia Paris.

Những lúc tỉnh táo, Ông vẫn làm thơ. Câu thơ cuối cùng, Ông viết: *C'est ici le combat du jour et la nuit.* (Đây là cuộc chiến đấu của ánh sáng và bóng tối).

Victor Hugo bị sưng phổi và từ trần vào ngày 22 tháng 5 năm 1885, thọ 83 tuổi.

Mặc dù ước vọng của ông là được chôn cất trong hoàn cảnh của kẻ nghèo, chiếc quan tài của ông được đặt tại Khải Hoàn Môn (Arc de Triomph) với 12 nhà thơ lớn đứng kế bên, có nhiều kỵ binh cầm đuốc xếp hàng chung quanh và tang lễ được cử hành long trọng như một quốc lễ để tôn kính nhà văn vĩ đại nhất của nước Pháp.

Văn hào Victor Hugo được chôn trong Điện Panthéon, nơi an nghỉ của các vĩ nhân của nước Pháp.

TRIẾT LÝ SỐNG QUA VĂN THƠ

Ông viết nhiều về tình yêu, số phận của con người, tiêu biểu là hai tác phẩm *Les Misérables* (*Những người khốn khổ*) và *Notre-Dame de Paris* (*Nhà thờ Đức Bà Paris*).

– “*Những người khốn khổ*” là tác phẩm được viết trong 17 năm ròng rã của Victor Hugo và được đánh giá là một trong những tiểu thuyết nổi tiếng nhất của thế kỷ 19. Nó khắc họa bức tranh chân thực, sống động về nước Pháp trong 20 năm đầu thế kỷ 19. Nhân vật Jean Valjean phấn đấu để có thể thực hiện một đời sống hữu ích mặc dù phải sống trong một xã hội đầy thành kiến bất công. Cuốn truyện còn mô tả bản chất của xã hội và bản chất

của con người. Victor Hugo cho rằng các điều kiện xã hội phải thay đổi để trẻ em được nuôi dưỡng đầy đủ, đàn ông có công việc làm ăn, đàn bà được che chở, và nền giáo dục được dành cho mọi người. Con người nên chung sống với nhau trong tình thương yêu huynh đệ.

– Tác phẩm “*Nhà thờ Đức Bà Paris*” nói về mối tình của thằng gù Quasimodo – kẻ đánh chuông trong nhà thờ dành cho nàng Esméralda xinh đẹp. Ẩn giấu bên trong lớp vỏ xấu xí của thằng gù, chất chứa một mối tình tuyệt vọng nhưng tuyệt vời vì sẵn sàng chết cho người mình yêu, chống lại dự vọng của một bề trên không xứng đáng. Tình yêu thật sự vượt lên trên thống khổ, đó là tính nhân văn mà tiểu thuyết này mang lại.

Victor Hugo luôn đấu tranh cho tự do, bình đẳng và giúp đỡ dân nghèo khổ. Trong gia tài đồ sộ về thi ca, Ông để lại cho đời nhiều câu nói thấm thía về cuộc sống và tình yêu.

- Tôi từng gặp một chàng trai trẻ đang yêu. Cậu ta sống nghèo khổ nơi xóm chợ. Quần áo, mũ và đôi giày của cậu đều cũ kỹ và sờn rách, thế nhưng trong tâm hồn cậu ánh lên những vì sao sáng.
- Hạnh phúc lớn nhất đời người là yêu và được yêu. Yêu vì chính bản thân chúng ta, cho dù ta là ai.
- Cuộc sống là đóa hoa còn tình yêu là mật ngọt.
- Thứ đời người thường thiếu ở đời là ý chí, không phải sức mạnh.
- Anh có thể thay đổi ý kiến của mình, nhưng hãy giữ lại những nguyên tắc. Và anh cũng có thể để lá bay đi nhưng gốc rễ thì nhất định phải giữ.

- Cuộc đời này ngắn lắm, còn ta thì cứ vô tình lãng phí thời gian vô ích.
- Tiếng cười là tia nắng ấm áp xua đi đêm đông lạnh giá của con người.

II. NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn 月心真人 là một vị Đại Thánh của Bạch Vân Động nơi cõi thiêng liêng. Ngài có chiết chơn linh giáng trần một kiếp tại Việt Nam là Thi hào **Nguyễn Du**, và 36 năm sau Ngài lại chiết chơn linh nhập thể bên Pháp, tên **Victor Hugo**.

Trong thời Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, các vị Thánh của Bạch Vân Động lãnh lịnh Đức Chí Tôn giáng trần lập thành Hội Thánh giúp Chí Tôn khai đạo, làm hình thể của Đức Chí Tôn tại thế mà hoàng dương Chánh pháp, giúp tay vào công cuộc Chuyển thế. Một trong số các vị Thánh đó là Đức NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN.

Năm Đinh Mão (1927), khi Đức Hộ Pháp đến mở Đạo tại Phnom Penh (Cam Bốt), tổ chức nhiều đàn cơ, có một Đấng Thiêng Liêng hay giáng lâm đàm đạo, xưng danh là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn và cho biết hóa thân của ngài chính là đại thi hào Victor Hugo của nước Pháp. Vị này cho biết: *“Ngài đã lãnh chiếu chỉ Ngọc Hư Cung đến đây để làm vị hướng Đạo, Chương giáo của nhân loại trong thời kỳ Hạ Ngươn, công bố Đệ Tam Thiên Nhơn Hòa Ước”*.

Công cuộc truyền giáo ra hải ngoại sau đó được đặt dưới quyền của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Ngài còn giáng ban cho nhiều bài kinh về Thiên Đạo trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Nhân ngày vía của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, tại Đền Thánh, đêm 22-5-1949 (Kỷ Sửu), Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nói về tiểu sử của Ngài như sau:

“Đức Victor Hugo, tự xưng là Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, là một Đấng thiêng liêng tại Quảng Hàn Cung. Khi tái kiếp, Ngài sanh tại thành Besancon, Pháp quốc, nhằm ngày 26-2-1802. Ngài từ trần tại Paris ngày 22-5-1885, hưởng thọ được 83 tuổi.

Từ buổi Đạo khai nơi Tân quốc, thì Ngài giảng cơ với danh hiệu là Chuồng Đạo Nguyệt Tâm, Chuồng quyền Hội Thánh Ngoại Giáo.

Ngài là một nhà thi sĩ trứ danh của nước Pháp trong thế kỷ 19. Lúc còn thiếu thời, Ngài thường châu lưu ở nước Ý, ở nước Tây Ban Nha, kể trở về Paris. Khi lên 10 tuổi thì Ngài đã sẵn có tài thi văn, đến lúc trưởng thành thì những văn từ thi phú của Ngài đều là những tác phẩm lỗi lạc, tinh tú cao thâm, nên trong trường đời, Ngài đã nổi danh là thi bá, đứng đầu các bậc kỳ nhân trong thời buổi ấy. Lần hồi tên tuổi của Ngài đã nêu danh nơi Hàn Lâm Viện và Ngài trở nên một đại công thần danh dự của Pháp triều buổi ấy.

Đến sau cuộc Cách mạng 1848 tại nước Pháp, Ngài đắc cử vào Hạ Nghị Viện để bảo tồn nền chánh trị và luật pháp trong nước. Lúc Ngài lãnh trách nhiệm trọng yếu ấy, Ngài đã lẫm phen trở tài hùng biện mà bình vực quyền lợi cho dân Pháp với những lẽ công chánh, nhứt là sự tự do. Nước Pháp trong buổi ấy chưa yên, nên cách 3 năm sau, ngày 2-12-1851, lại có cuộc nội biến. Ngài phải buộc lòng từ giả Paris ra ngoại quốc, mãi đến năm 1870 ngày 4-9 Ngài mới trở lại trường chánh trị. Lúc đó Ngài đã 68 tuổi. Từ ấy đến sau, Ngài đem hết nhiệt tâm mà chuyên lo cần mẫn vì

nước vì dân cho đến ngày qui vị.

Trong kiếp sanh của Ngài rất vinh diệu cho nước Pháp, ngoài những chuyện thi văn kiệt tác đối với quê hương dân tộc Pháp, Ngài còn để dấu trong trường chánh trị một danh thế bất hủ. Vì vậy mà khi Ngài qui vị, đám táng Ngài rất long trọng, quan cứu và linh vị đặng hưởng đặc ân của nước Pháp để vào Công Thần Miếu (Panthéon). Ấy vậy, thật là một vĩ nhân và một đại công thần nước Pháp đó vậy.

Bản đạo cũng nên cho toàn đạo hiểu, rồi đừng lầm tưởng chúng ta ngày nay đương tôn sùng lễ bái kỷ niệm một vị vĩ nhân công thần của Pháp như trên đã nói đó là tôn sùng người Pháp. Nghĩ vì Ngài cũng có công trình khai đạo từ sơ khai, thọ mạng linh Đức Chí Tôn lãnh quyền Chương Đạo cầm đầu Hội Thánh Ngoại Giáo, Ngài thường giảng cơ giáo hóa và phong Thánh cho chư Chức sắc Ngoại giáo....»

Như vậy, chúng ta hiểu **tín đồ Cao Đài thờ chơn linh của Đức Nguyệt Tâm chơn nhơn, thờ chơn linh Bạch Vân hòa thượng... mà đại văn hào Victor Hugo và Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm chỉ là những hóa thân của hai vị khi xuống thế gian dạy dỗ nhơn loại.**

A. BAN CHO KINH

Trong thời Tam Kỳ Phổ Độ, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn thọ lệnh Đức Chí Tôn cầm quyền Chương Đạo Hội Thánh Ngoại Giáo của Đạo Cao Đài. Ngài thường giảng cơ giáo hóa các Chức sắc của Hội Thánh Ngoại Giáo. Quyển Kinh Thiên Đạo – Thế Đạo của ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ có 49 bài. Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng cơ ban cho sáu bài kinh, gồm:

- Kinh Tắm Thánh.
- Kinh Tẩn Liệm.
- Kinh Cầu Hồn Khi Hấp Hối.
- Kinh Đưa Linh Cữu.
- Kinh Khi Đã Chết Rồi.
- Kinh Hôn Phối.

B. LẬP PHẨM CHỨC TRONG HIỆP THIÊN ĐÀI

Năm 1935, có nhiều vị Đạo hữu dày công cùng Đạo được đem vào Sổ Cầu Phong dâng lên Đức Lý Giáo Tông. Ngài phê: để Hiệp Thiên Đài định vị. Do đó, Đức Phạm Hộ Pháp cầu hỏi Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn. Đêm 16-2-Ất Hợi (20-3-1935), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giáng cơ góp ý cùng Đức Phạm Hộ Pháp, mở rộng trường công quả, lập ra 7 phẩm Chức sắc dưới Thập nhị Thời Quân, để giúp cho chư vị Thời Quân hành quyền Tư Pháp của Hiệp Thiên Đài. Bảy phẩm Chức sắc (từ cao xuống thấp) đó là:

- Tiếp Dẫn Đạo Nhơn (Instructeur)
- Chưởng Ấn (Chancelier)
- Cải Trạng (Avocat)
- Giám Đạo (Inspecteur)
- Thừa Sử (Commissaire de la Justice)
- Truyền Trạng (Greffier)
- Sĩ Tài (Secrétaire Archiviste)

C. CHƯỜNG GIÁO HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO

Khi Đức Chí Tôn ra lệnh tổ chức Lễ Khai Đạo vào ngày 15-10-Bính Dần (19-11-1926) tại Thánh Thất tạm là Chùa Từ Lâm Tự Gò Kén Tây Ninh, Đức Hộ Pháp

Phạm Công Tắc lúc đó đang làm công chức nơi Sở Thương Chánh Sài Gòn, làm đơn xin tạm nghỉ việc 6 tháng để lo cho Đạo. Chánh quyền Pháp không muốn để Đức Phạm Hộ Pháp làm việc ở Sài Gòn nữa, vì sợ Đức Ngài hoạt động mạnh mẽ cho Đạo Cao Đài, họ đổi Đức Ngài lên làm việc ở Nam Vang, thủ đô nước Cao Miên. Đức Ngài lên Nam Vang, tạm ngụ tại nhà Ông Cao Đức Trọng (anh ruột của Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang). Nhân hoàn cảnh mới này, Đức Ngài thuyết giảng giáo lý và tổ chức cầu cơ tại nhà của Ngài Cao Đức Trọng.

Đàn cơ ngày 27-7-1927 (29-6-Đinh Mão), Đức Hộ Pháp phò loan với Ngài Cao Đức Trọng, Đức Chí Tôn giáng cơ ân phong các vị Chức sắc đầu tiên này. Từ đó, Đức Phạm Hộ Pháp thành lập **Cơ Quan Truyền Giáo Hải Ngoại**, thường gọi là Hội Thánh Ngoại Giáo (viết tắt HTNG), đặt trụ sở tại Thánh Thất Kim Biên (Nam Vang), có nhiệm vụ phổ độ nhơn sanh tại nước Cao Miên. Nhờ có HTNG, việc truyền Đạo tại đây có kết quả nhanh chóng, chỉ trong vòng một năm, số tín đồ nhập môn vào Đạo Cao Đài có đến hơn một vạn người.

Hội Thánh Ngoại Giáo được đặt dưới quyền điều khiển thiêng liêng của Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, với chức vụ Chương Đạo, do Đức Chí Tôn giao phó, dưới sự bảo trợ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp. Thời gian ở tại Cao Miên tuy ngắn ngủi chỉ có bảy tháng, Đức Phạm Hộ Pháp đã kiện toàn cơ chế tổ chức Hội Thánh Ngoại Giáo (La Mission Étrangère du CaoDaïsme). HTNG đặt văn phòng tại đường Lalande Calan (Phnom Penh); từ đó, bổ chức sắc đi truyền giáo ở hải ngoại: Trung Hoa, Pháp, Nhật, Thái, Lào v.v...

Qua cơ bút do chính Đức Ngài phò loan, Ban Truyền Giáo Hải Ngoại đã thành hình, gồm có:

1. JEAN DE LA FONTAINE (1621–1695).

Jean de La Fontaine là một nhà thơ ngụ ngôn nổi tiếng của Pháp, những bài thơ của ông được biết đến rất rộng rãi vào thế kỷ 17.

Sinh: 8 tháng 7, 1621, Château-Thierry, Pháp

Mất: 13 tháng 4, 1695, Neuilly-sur-Seine, Pháp.

Thơ ngụ ngôn (Fables) của ông mang tính chất luân lý khuyên răn đời. Ông giảng cơ tại Tòa Thánh đêm 25–8–1934 có câu: «*Notre Maitre (Tức Maitre de La Loge Blanche/ Bạch Văn Động là Thanh Sơn Đạo Sĩ) vient d'avoir un entretien intime avec le Pape sur notre avenir apostolique. Il a lavé un échec sur notre avancement*». **Ông phụ trách phổ độ dân chúng Châu Âu với sự trợ lực của bà Jeanne d'Arc.**

2. TÔN TRUNG SƠN (1866–1925):

Tên thật là Tôn Văn, tự Dật Tiên, người Quảng Đông, Trung quốc. Gia đình theo Đạo Phật. Ông theo Đạo Thiên Chúa, đỗ bác sĩ y khoa. Sau cuộc vận động Duy tân thất bại, năm 1884, ông lập Trung Hưng Hội ở Honolulu lấy Dân tộc, Dân sinh, Dân quyền làm chủ nghĩa Tam Dân. Ông đứng đầu trong cuộc cách mạng Tân Hợi (10–10–1911) ở Trung Hoa và được bầu làm Tổng Thống. Viên Thế Khải phản bội nên loạn lạc nổi lên khắp nơi. Để tránh nội chiến, năm 1925, ông lên Bắc Kinh để sắp xếp mọi việc, nhưng việc chưa thành ông bị bệnh mà mất (12–3–1925).

Ông giảng cơ xưng là một trong các vị Thánh Bạch Vân Động. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Á với sự trợ lực của bà Bát Nương Hớn Liên Bạch.

3. WILLIAM SHAKESPEARE (1564–1616):

Nhà đại thi hào Anh quốc sinh ở Stratford-sur-Avon, Anh quốc. Ông phụ trách phổ độ dân chúng Anh và các nước trong Liên Hiệp Anh.

4. LÉON TOLSTOI (1828–1910):

Tiểu thuyết gia người Nga, sinh ở Iasnaia-Poliana nổi danh về hai quyển: Chiến Tranh và Hòa Bình, Anna Karénina. Ông phụ trách phổ độ dân Âu-Á (Eurasie).

5. PEARL BUCK:

Tiểu thuyết gia Hoa Kỳ, sinh năm 1892 tại Hillsboro, Virginia, Hoa kỳ. Bà được giải thưởng Nobel văn chương 1938 với tác phẩm “*The living reed*” (Nỗi buồn nhược tiêu). Bà có khuynh hướng tìm hiểu văn hóa phương Đông để tiến đến hòa hợp chung sống. Bà phụ trách phổ độ dân Châu Mỹ.

6. ARISTIDE BRIAND (1862–1932):

Nhà chính trị Pháp, sinh ở Nantes, từng làm Bộ Trưởng Ngoại Giao Pháp. Ông phụ trách phổ độ dân Châu Phi.

Ngoài ra, còn có thi sĩ Pháp **ALPHONSE DE LAMARTINE (1790– 1869)**, Giáo Sư Tiến Sĩ **LOUIS PASTEUR** giảng cơ dạy dỗ.

* **ALPHONSE MARIE LOUIS DE PRAT DE LAMARTINE** là một nhà thơ, nhà văn theo trường phái lãng mạn nổi tiếng của nước Pháp. Ông còn là sử

gia, một chính trị gia với chức Bộ trưởng bộ ngoại giao trong chính phủ Pháp.

* **LOUIS PASTEUR** (27.12.1822 – 28.9.1895), giáo sư về hóa học và vi sinh vật học người Pháp. Pasteur được tôn vinh là «*cha đẻ của ngành vi sinh vật học*».

Ông chưa bao giờ chính thức học y khoa nhưng vẫn được coi là một thầy thuốc vĩ đại và là Ân nhân của Nhân loại. Louis Pasteur được nhớ đến như một trong những người đầu tiên đặt nền móng cho y tế phòng ngừa (kỹ thuật tiêu diệt vi khuẩn và tiêm ngừa chó dại). Các công trình của ông và các viện Pasteur tiếp tục cứu sống hàng triệu người trên thế giới.

Các vị trong **HỘI THÁNH NGOẠI GIÁO** kể trên đều là Chư Thánh ở Bạch vân động. Ngoài ra, còn nhiều vị Thánh có các vai trò khác nhau như Chính trị, quân sự, tài chánh... ở Việt Nam cũng như trên thế giới.

D. LỄ KỶ NIỆM (ngày 22–5 dl hàng năm)

Bài thài hiến lễ đức **NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN**

NGUYỆT rạng đồng thiên đã sáng soi
TÂM linh chiếu thấu bốn phương trời
CHƠN truyền cứu thế xa tai ách
NHƠN đạo tuần hườn độ khắp nơi

Khi Đức Hộ Pháp thiết lễ Trấn Thần Tam Thánh trước Đền Thánh ngày 10 tháng 7 năm Mậu Tý (14–8–1948), đồng nhi đọc bài xưng tụng công đức, phần nói về Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn như sau:

Dạy đệ tử ân cần mỗi Đạo

*Truyền pháp mẫu Chương Đạo Nguyệt Tâm
Ấn ban trần thế giáng lâm
Victor là họ, tên nhằm Hugo.*

*Nhà văn sĩ bày phô lễ chánh
Năm kinh luân nặng gánh cơ đồ
Nhà nhà có phúc hàm phô
Cũng nhờ kinh sách Hugo dạy truyền.*

*Đâu vọng bái Tiên hiền Chương Đạo
Chứng lễ thành lòng thảo chúng sanh
Ban ơn nhỏ phước dân lành
Vun trồng cây Đạo trở nhành đơm bông.*

*Từ Bình Dân bóng hồng Phổ Độ
Chối Càn Khôn cứu khổ nhơn sanh
Nhờ ơn các Đấng Trọn Lành
Giáng cơ chỉ bảo mỗi manh Đạo Trời.*

*Năm Đinh Mão mở nơi Tần Quốc
Đức Nguyệt Tâm đặc nhứt chỉ truyền
Lập thành Hội Thánh Kim Biên
Mở mang đạo cả ban quyền ngoại giao.*

*Ơn giáo hóa đồng bào Kiều Việt
Đức từ bi chi xiết gọi nhuần
Hiện nay đạo hữu vui mừng
Tự do tín ngưỡng nhờ chúng Đức Ngài.*

*Lễ kỷ niệm phô bày nghiêm chỉnh
Dâng tấc thành cung kính Thánh Linh
Mong nhờ lượng cả thình thình
Thi ân bố đức hóa sanh cứu đời.*

PHẦN BA BA BẢN THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC

Thiên Nhơn Hòa Ước là bản hòa ước giữa Trời và Người, tức là giữa Thượng Đế và Nhơn loại (The Alliance between God and Mankind).

TIẾT 1. THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC KỶ NHỨT & THÁNH MOISE



MOISES xuất hiện vào khoảng thế kỷ 15–14TCN. Moses là người đã dẫn dắt dân Do Thái trong cuộc hành trình Exodus ra khỏi Ai Cập. Người Hy Lạp đã xếp Moses đứng cùng hàng với các vị thần và anh hùng của họ.

Theo Sách Xuất Hành 2–3 (Kinh Thánh Hebrew), một lần trong khi Moses dẫn cừu đi sâu vào vùng núi thiêng Sinai (thuộc bán đảo Sinai của Ai Cập ngày nay), bỗng nhiên Thiên Chúa hiện ra ở giữa một bụi gai đang bốc cháy. Rồi Moses nghe tiếng Thiên Chúa nói, “*Ta đã thấy nỗi thống khổ của dân ta ở Ai Cập, nơi họ đang bị đối xử như nô lệ. Ta sẽ giải phóng chúng khỏi đất nước tàn bạo*”

đó, và ban cho chúng một mảnh đất khác tốt lành, đượm sữa và mật. Vì thế, người, Moses, phải dẫn dắt dân ta ra khỏi Ai Cập về Miền Đất Hứa”.

Thế là Moses, cầm theo cây gậy linh thiêng của Thiên Chúa ban cho, cùng với vợ con lên đường trở lại Ai Cập đặng giải thoát dân Do Thái đang bị câu thúc. Biến cố ly kỳ này được ghi lại trong Sách Xuất Hành, mô tả chi tiết hành trình gian truân về Miền Đất Hứa (sử hiện đại gọi cuộc hành trình này là The Exodus) của khoảng bốn chục vạn dân Do Thái, chạy trốn khỏi Ai Cập, vượt qua Biển Đỏ (Red Sea), đi về hướng Đông qua nhiều sa mạc hoang vu và lưu lạc ở đó suốt 40 năm, cuối cùng trở về chinh phục vùng đất Canaan mà Thượng Đế đã hứa cho họ từ thời Abraham. Trong hành trình gian truân về Miền Đất Hứa, một sự kiện rất trọng đại đã xảy ra có liên quan đến ‘Mười Điều Răn’ (The Ten Commandments) của Thiên Chúa. Đó là thời điểm khi người Do Thái dừng chân tại vùng núi thiêng Sinai. Từ ngọn núi này, Thiên Chúa đã truyền ban Mười Điều Răn và Lễ Luật cho dân Do Thái thông qua Moses. Mười Điều Răn tuyệt đối này, rất cần bản cho đời sống của người Do Thái giáo, được tìm thấy trong Sách Xuất Hành 20:1-17 và Sách Đệ Nhị Luật 5:6-21 của Kinh Thánh Hebrew. Trước đây, Thượng Đế giao ước riêng với Abraham, còn lần này, Ngài giao ước với toàn thể dân tộc Do Thái qua những lần Moses lên đỉnh núi Sinai để trực tiếp gặp Ngài. Qua những lần gặp gỡ Thượng Đế, Moses chuyển giao lại cho dân tộc Do Thái các huấn thị của Ngài. Thượng Đế lúc này tỏ lộ danh xưng là ‘YHWH’, gọi là **Jehovah**, nghĩa là ‘*Ta là kẻ Ta là*’. Và đặc điểm của Giao Ước lần này cũng rất rành rọt,

đó là chứng nào dân của Ngài chọn còn vâng lời Ngài, chứng đó họ sẽ được Ngài che chở.

Thời điểm Đức Thượng Đế nói với Moses trên núi Sinai là vào năm 1446 TCN. Ngài dạy 10 điều để theo đó mà sống cho Chúa vui lòng. Trong bản Thiên Nhơn hòa ước (the agreement or 'covenant') này, Ngài hứa sẽ ban phước cho dân tộc biết sống theo cách Thượng Đế mong muốn. Những điều giao ước bao gồm cả hai phần Thiên đạo và Nhơn đạo: thờ phượng Thượng Đế như thế nào và cách sống hòa hợp với gia đình, xã hội. Những lời dạy này vẫn còn giá trị đến ngày nay.

Bản Đệ nhứt Thiên Nhơn Hòa ước được gọi là CỰU ƯỚC, có chép trong Thánh Kinh của Đạo Do Thái, mà về sau, Thiên Chúa giáo và Đạo Tin Lành đều nhìn nhận.

**10 ĐIỀU RĂN LÀ BẢN THIÊN NHƠN
HÒA ƯỚC LẦN THỨ NHỨT**

1-	Ta là Thiên Chúa của người. Người không có Thiên Chúa nào khác ngoài Ta. <i>(Don't worship any other God – just Me).</i>
2-	Người không được tạc tượng vẽ hình để thờ. <i>(Don't make anything or anyone into an idol – and don't worship them).</i>
3-	Người không được dùng danh Thánh Chúa cách bất xứng. Không được vô cớ gọi tên Thượng Đế hay nhân danh Ngài để làm điều ác. <i>(You shall not take the name of the LORD your God in vain or do evil in God's name).</i>

PHẦN BA BA BÀN THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC

4-	Người phải giữ ngày Sabát. <i>(Don't do your usual work on the seventh day of each week – treat it as a special holy day).</i>
5-	Tôn kính cha mẹ. <i>(Always show respect to your parents).</i>
6-	Người không được hãm hại người khác. <i>(Don't murder anyone).</i>
7-	Người không được dâm dục. <i>(Don't commit adultery by having sex with anyone other than the person you're married to).</i>
8-	Người không được trộm cắp. <i>(Don't steal from anyone).</i>
9-	Người không được làm chứng dối. <i>(Don't tell lies about someone else).</i>
10-	Người không được ham muốn chiếm đoạt của cải người khác. <i>(Don't be envious of anyone's house, their partner, or anything they own).</i>

TIẾT 2. THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC LẦN THỨ HAI



Phần lớn nhơn loại vẫn say đắm vật chất thế gian, không quan tâm đến linh hồn, không cần biết sanh ra để làm chi, chết rồi sẽ đi về đâu! Các mối đạo mà Đấng Thượng Đế đã cho mở ra vào thời Nhứt Kỳ Phổ Độ đã bị nhơn loại sửa cải làm sai lạc chơn truyền. Đức Thượng Đế với lòng Đại từ Đại bi mở ra Nhị Kỳ Phổ Độ, cho các Đấng Tiên Phật giáng trần, lập ra nhiều mối đạo trên khắp hoàn cầu. Đức Jêsus lãnh nhiệm vụ công bố cho nhơn loại rõ bản Đệ nhị Thiên Nhơn Hòa ước được gọi là TÂN ƯỚC (để đối lại với Cựu Ước thời Thánh Moses).

JESUS (có thể viết khác là **Giê-su, Giê-xu, Yêsu, Jesus, Gia-tô, Da-tô**), cũng được gọi là **Jesu Kitô, Jesus Christ**, là người sáng lập ra Kitô giáo. Jesus là người Do Thái có tên là *Yehoshua* (עֵשׂוּדָה) gọi tắt là *Yeshua* (עֵשׂוּ) – có nghĩa là “*Đấng Cứu Độ, Đấng Cứu Tội*” trong tiếng Hebrew. Đối với người đương thời, Jesus còn được biết

dưới tên **Giêsu thành Nazareth**, hoặc **Giêsu con ông Giuse**. Từ “*Kitô*” (tiếng Latinh: *Christus*; tiếng Hy Lạp: *Χριστός* *Khristós* hoặc từ “*Cơ Đốc*”, chữ Nho: 基督 *Ji-du*) là một danh hiệu của Giêsu, có nghĩa là “*người được xức dầu*”, nhằm chỉ ngài là một vị lãnh đạo, chính trị cũng như tôn giáo, được chọn bởi Thiên Chúa.

Jesus là một người Do Thái vùng Galilee, sinh vào khoảng đầu thế kỷ thứ nhất và qua đời trong khoảng từ năm 30 đến 36 SCN tại xứ Judea. Các sách Phúc Âm chỉ tập trung vào quãng đời ba năm cuối, đặc biệt là tuần lễ cuối cùng trước khi Ngài bị đóng đinh vào thập giá, nhưng chúng cũng cung cấp một số manh mối liên quan đến năm sinh của Chúa Giêsu. Bằng các phương pháp phân tích khác nhau, hầu hết các học giả đi đến đồng thuận rằng Chúa Giêsu sinh trong khoảng từ năm thứ 6 đến 4 TCN

Các nhà thiên văn từ thời Isaac Newton đã cố gắng ước lượng chính xác ngày Chúa Giêsu bị đóng đinh bằng cách phân tích chuyển động của Mặt Trăng và tính theo lịch sử của lễ Vượt Qua theo lịch của người Do Thái. Giả thiết được chấp nhận rộng rãi nhất theo phương pháp này là ngày **7 tháng 4, năm 30 AD**.

Isaac Newton cho rằng lễ Giáng sinh được chọn vào ngày Đông chí – mà theo lịch thời đó rơi vào ngày 25 tháng 12 – bởi vì với các Kitô hữu, Đức Giêsu chính là “*Mặt trời công chính*” đã được tiên tri trong Malachi 4:2.

Jesus là một người Do Thái tôn trọng luật pháp Moses (kinh Torah), là nhà thuyết giáo và người chữa bệnh bằng phép mầu, cũng là người thường bất đồng với giáo quyền Do Thái, và cuối cùng, là người bị đóng đinh trên thập tự giá dưới phán quyết của chính quyền Đế quốc La

Mã.Theo Kinh Thánh, Jesus đã cùng các môn đồ đi khắp xứ Galilea để giảng dạy và chữa bệnh. Cung cách giảng dạy mang thẩm quyền, uy lực cùng với kỹ năng diễn thuyết điêu luyện, Jesus sử dụng các dụ ngôn để giảng dạy quan điểm về tình yêu thương nên đã thu hút rất nhiều người. Jesus áp dụng các phương pháp khác nhau khi giảng dạy, phép nghịch lý, phép ẩn dụ và các truyện dụ ngôn. Ông thường tập trung vào Nước Trời (hay Thiên Quốc). Nổi tiếng nhất là Bài giảng trên núi, trong đó đề cập đến Tám Mối Phúc thật (*Beatitudes*).

Khi Đức Jesus nhìn thấy đám đông thì Ngài lên ngôi trên một ngọn đồi. Các môn đệ đến với Ngài, rồi Ngài bắt đầu dạy dỗ:

1. Phúc cho những ai đang nghèo khó về tâm linh, vì nước thiên đàng thuộc về họ.
2. Phúc cho những ai đang buồn bã, vì Thượng Đế sẽ an ủi họ.
3. Phúc cho những ai khiêm nhường, vì họ sẽ nhận được đất.
4. Phúc cho những ai lúc nào cũng cố gắng làm điều phải, vì Thượng Đế sẽ thỏa mãn họ.
5. Phúc cho những ai tỏ lòng nhân ái đối với kẻ khác, vì Thượng Đế cũng sẽ tỏ lòng nhân ái đối với họ.
6. Phúc cho những ai có tư tưởng trong sạch, vì sẽ được ở với Thượng Đế.
7. Phúc cho những ai mang lại hòa thuận, vì Thượng Đế sẽ gọi họ là con cái Ngài.
8. Phúc cho những ai bị ngược đãi vì làm điều phải, vì nước Thiên đàng là của họ.

9. Người ta sẽ nhục mạ và làm tổn thương các con. Họ sẽ lấy mọi điều xấu vu cáo các con vì các con theo ta. Nhưng khi họ làm như thế thì các con có phúc.
10. Hãy hớn hở vui mừng lên, vì có một phần thưởng rất lớn đang dành cho các con trên thiên đàng. Vì họ cũng đã ngược đãi các nhà tiên tri sống trước các con như vậy.

Các con là muối và ánh sáng.

11. *Các con là muối của đất. Nhưng nếu muối mất vị mặn thì sẽ không thể nào làm cho mặn lại được. Muối đó hoàn toàn vô dụng, chỉ có thể ném bỏ để người ta dẫm lên thôi”.*
12. *Các con là ánh sáng chiếu cho thế giới. Các con là cái thành xây trên núi, không thể bị che khuất được”.*
13. Không ai tắt đèn rồi đem giấu dưới cái chậu, nhưng người ta đặt trên chân đèn, để nó chiếu sáng mọi người trong nhà. Cũng thế, các con phải làm ánh sáng cho người khác. Hãy sống cách nào để người ta thấy những việc phúc đức các con làm mà ca ngợi Cha các con trên trời.

Luật pháp quan trọng như thế nào

14. Đừng tưởng rằng ta đến để phá luật pháp Moses và lời dạy của các nhà tiên tri. Ta đến không phải để phá, mà để hoàn thành những gì luật pháp và các nhà tiên tri nói.
15. Ta bảo thật, sẽ không có một điều gì trong luật pháp biến mất đi cho đến khi không còn trời đất nữa. Dù một chấm một nét cũng không bay mất, cho đến khi mọi việc được hoàn thành.

16. Ai không tuân giữ điều nhỏ nhất trong luật pháp và dạy người ta như thế sẽ là người thấp kém nhất trong nước thiên đàng. Còn ai vâng giữ luật pháp và dạy người ta vâng theo sẽ được tôn trọng trong nước thiên đàng.
17. Ta bảo các con phải sống tốt hơn những người Phari-xi và các giáo sư luật, nếu không các con không thể nào vào nước thiên đàng được đâu.

Đức Jesus dạy về tính nóng giận

18. Các con có nghe người ta dạy dân chúng từ xưa, *‘Người không được giết người. Ai giết người sẽ bị xét xử.’* Nhưng ta bảo các con, ai tức giận anh chị em mình sẽ bị xét xử. Ai nói xấu anh chị em mình phải bị hội đồng cao cấp Do-thái xét xử. Còn ai gọi người khác là đồ điên, thì đáng bị lửa địa ngục trừng phạt.
19. Khi các con dâng của lễ cho Thượng Đế nơi bàn thờ, mà nhớ lại rằng anh chị em mình còn có điều gì nghịch với mình, thì hãy để của lễ nơi bàn thờ, trở về giảng hòa cùng anh chị em mình trước đã, rồi sau đó hãy dâng của lễ.

Đức Jesus dạy về tội nhục dục

20. Các con có nghe nói, *‘Người không được phạm tội ngoại tình.’* Nhưng ta bảo các con, ai nhìn đàn bà mà động lòng dục với người ấy thì trong tâm trí xem như đã phạm tội ngoại tình với người đàn bà ấy rồi.
21. Nếu mắt phải của các con xui khiến các con phạm tội, thì hãy móc và ném nó đi. Chẳng thà thiếu mắt một phần cơ thể, còn hơn toàn thân thể bị ném vào hỏa ngục. Nếu tay phải của các con xui khiến các

con phạm tội, hãy chặt nó và ném bỏ đi. Chẳng thà thiếu mất một phần cơ thể, còn hơn cả thân thể đi vào hỏa ngục.

Phải thận trọng khi hứa

22. Các con có nghe người thời xưa nói, *‘Không được trái lời thề, mà phải giữ lời thề đối với Chúa.’* Nhưng ta bảo các con, đừng thề thốt gì hết. Đừng chỉ trời mà thề, vì đó là ngôi của Thượng Đế. Cũng đừng chỉ đất mà thề, vì đó là bệ chân Ngài. Đừng chỉ thành Jerusalem mà thề, vì đó là thành của Vua Lớn. Cũng đừng chỉ đầu mình mà thề, vì tự các con không thể làm một sợi tóc trên đầu ra trắng hay đen được.
23. Điều gì phải thì nói phải, không thì nói không. Còn nếu ai nói gì ngoài hai cách ấy, đều do Kẻ Ác mà ra.

Đừng chống trả kẻ ác

24. Các con có nghe nói, *‘Mắt đền mắt, răng đền răng.’* Nhưng ta bảo các con : Đừng chống trả kẻ ác. Nếu ai tát má bên mặt, đưa luôn má bên trái cho họ. Nếu ai kiện các con ở tòa để lấy áo trong, hãy cho họ lấy luôn áo ngoài.
25. Ai xin gì thì hãy cho họ. Ai muốn mượn gì thì đừng từ chối.

Yêu thương mọi người

26. Các con có nghe, *‘Hãy yêu người láng giềng và hãy ghét kẻ thù mình.’* Nhưng ta bảo các con, hãy yêu kẻ thù và cầu nguyện cho kẻ làm tổn thương mình. Làm như thế thì các con mới chứng tỏ mình là con cái thật của Thượng Đế. Vì Ngài khiến mặt trời mọc lên cho người thiện cùng người ác, làm mưa cho người

làm phải cũng như cho người làm quấy. Nếu các con chỉ yêu người yêu mình thì có được thưởng gì đâu? Bọn thu thuế cũng làm được như vậy. Nếu các con chỉ tốt với bạn, thì các con chẳng khá hơn kẻ khác đâu. Những người không biết Thượng Đế cũng tốt với bạn. Cho nên các con phải toàn vẹn giống như Cha các con trên thiên đàng là toàn vẹn.

Đức Jesus còn minh xác lời Đức Chúa Trời là thần linh và sự sống: *Những lời ta phán cùng các người đều là thần linh và sự sống* (Gioan 6:43). Vì vậy, tất cả những điều luật mà Chúa Thánh Linh dạy chép trong Tân Ước thì mọi người thờ Đức Chúa Trời phải lấy tâm và lẽ thật thi hành những luật đó để được sự sống và thần linh trong Đấng Kitô (Christ): Ai ở trong Đấng Kitô (Christ) thì được dựng nên mới, *những sự cũ đã qua đi, nay mọi sự đều trở nên mới* (I. Côrintô 5:17).

Giữ luật Tân Ước là giao ước mới chứ không phải giữ 10 điều răn là giao ước xưa lập với dân Israel trên núi Sinai.

TIẾT 3. THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC LẦN BA – HẠ NGƯƠN

A. BA LẦN KHAI ĐẠO – BA LẦN ÂN XÁ (RELEVATION)

Trong khoảng 5000 năm, đã có ba lần Khai Đạo, ba lần Phổ độ tức là ba lần Ân-xá.

1- NHỨT KỲ PHỔ ĐỘ (Nhứt thiết Long-Hoa Thiên khai Tý Hội).

Trong thời-kỳ này có các vị Thánh-nhân ra đời khai sáng nhân loại gồm có:

- 2852 – 2738 TCN: Vua PHỤC HY (伏羲 Fú Xī), là một trong Tam Hoàng của nước Trung Hoa

thời thượng cổ, được cho người sáng tạo ra BÁT QUÁI (八卦 bā guà). Thời kỳ của vua Phục Hy chứng kiến những thay đổi và biến cố địa chất lớn lao. Một trận đại hồng thủy với quy mô toàn cầu đã tàn phá thế giới trong nhiều năm, tận diệt các nền văn minh tồn tại trên các vùng đất huyền thoại Mu và Atlantis.

- 2085 TCN: ABRAHAM (chưa có chữ viết)
- 1500 TCN–800 TCN: Bà La Môn và Ấn Giáo ra đời (BRAMANISM & HINDUISM)
- 1300 TCN: Do Thái giáo (JUDAISM)
- 1000 TCN: Bái hỏa giáo (ZOROASTRIANISM)
- Thế kỷ II TCN có Khương Thái Công (JIANG TAIGONG) đứng đầu **Thần giáo**.

2– NHỊ KỲ PHỔ ĐỘ: (Nhứt thiết Long-Hoa Thiên khai Sứ Hộ).

Trong thời-kỳ này có các vị Thánh-nhân ra đời lập giáo để độ dẫn nhân loại như

- 563 TCN: Đức Thích Ca Mâu Ni (Gautama Sakhyamuni) lập Phật giáo (BUDDHISM).
- 580–500 TCN: Đức Lão Tử (Lao Tse) lập Tiên giáo (TAOISM)
- 550–479 TCN: Đức Khổng Tử (Confucius) lập Khổng giáo (CONFUCIANISM)
- 30 CN: Đức JESUS CHRIST lập nên Thiên Chúa giáo (CHRISTIANITY)
- 621 CN: ngài MOHAMMAD lập Hồi giáo (ISLAM)

3- TAM KỶ PHỔ ĐỘ (Tam thiết Long-Hoa Thiên khai Dân Hội).

Kỳ này Đức Ngọc Hoàng Thượng-Đế giáng điển linh lập Đạo qui các Giáo lại làm một và không giao quyền Giáo-chủ cho người phạm nữa. Vì sao vậy? – Là vì trước kia năm châu bốn biển thiếu sự giao thông, truyền thông nên sống lẻ-loi riêng biệt. Đức Thượng-Đế phải phái những vị Giáo chủ hạ phạm tại mỗi châu tùy phong tục mà mở Đạo độ đời.

Nay thì năm Châu, bốn biển thông thương dễ dàng, trình độ hiểu biết của nhân loại đã đến mức tột bậc, nên cần có một nền Tôn giáo thích hợp cho kỷ nguyên Đại Đồng. Nền Tôn giáo này phải có một nền triết-lý dung hòa tất cả các Tôn giáo cũ, đồng thời triển khai những triết lý mới áp dụng cho kỷ nguyên mới.

B. BẢN THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC:



Từ trái sang phải: Trung Sơn Chơn Nhơn, Nguyệt Tâm Chơn Nhơn, Thanh Sơn Đạo Sĩ

1. Bản Thiên Nhơn Hòa ước này được ban bố vào năm nào?

Đức Chí Tôn ban bố bản Thiên Nhơn Hòa ước này khi Đức Chí Tôn đại khai Ân Xá mở ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ vào năm Bính Dần (1926) để cứu vớt nhơn sanh trong thời kỳ cuối Hạ nguơn Tam Chuyển, trước khi mở Đại Hội Long Hoa.

2. Nội dung Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước:

Đức Chí Tôn mở lòng đại từ đại bi lần thứ ba, khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ký với nhơn loại một tờ Hòa ước thứ ba, gọi là Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước, giao cho ba vị Thánh đứng đầu Bạch Vân Động nơi cõi Thiêng liêng, viết ra và công bố cho toàn nhơn loại rõ. Nội dung của bản Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước được Tam Thánh Bạch Vân Động công bố như sau:

- Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ tức Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm viết chữ Nho, phiên âm ra tiếng Việt là : “**THIÊN THƯỢNG THIÊN HẠ; BÁC ÁI CÔNG BÌNH**”
- Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn (V.Hugo), viết chữ Pháp : “**DIEU et HUMANITÉ; AMOUR et JUSTICE**”

So sánh với hai bản Thiên Nhơn Hòa ước trước, chúng ta thấy Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước rất đơn giản.

► **GIẢI THÍCH:**

- **Thiên thượng:** trên Trời, tức là Thượng Đế (Dieu, GOD).
- **Thiên hạ:** dưới Trời, tức là Nhơn loại (Humanité, HUMANITY).
- **Bác ái:** (Amour, Love). “*Bác ái là hay thương xót sanh linh hơn thân mình. Cho nên, kẻ có lòng Bác ái*”

coi mình nhẹ hơn mây lông mà coi Thiên hạ trọng bằng Trời Đất” (TNHT)

- **Công bình: (Justice)** không nghiêng về bên nào, không có ý riêng tư, theo đúng Đạo lý.

Theo bản Hòa ước này, Đức Chí Tôn cam kết với Nhơn loại, nếu người nào thực thi được 4 chữ **Bác Ái – Công Bình**, thì Đức Chí Tôn rước về cõi Thiêng liêng Hằng sống, được ban thưởng phẩm vị Thần Thánh Tiên Phật, thoát khỏi luân hồi; còn nếu không thực hiện được thì phải bị đọa luân hồi, không được đố thừa hay khiêu nại nữa.

Đức Chí Tôn lại ban cho một ơn huệ đặc biệt là Đại Ân Xá:

*“Nên Thấy cho một quyền rộng rãi cho cả nhơn loại
Cần khôn Thế giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu,
đủ trở về cùng Thấy đặng.”*

■ (TNHT)

Nhơn loại muốn thực hiện được bản Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước nói trên thì phải nhập môn vào Đạo Cao Đài, tùng theo Luật và Pháp của Đức Chí Tôn giảng dạy. Đức Chí Tôn mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là Đạo Cao Đài, lấy 4 chữ: **Bác ái – Công bình** làm tiêu chuẩn cho Luật và Quyền trong việc phổ độ nhơn sanh:

- **Luật là Bác ái (Thương yêu)**
- **Quyền là Công chánh (Công bình)**

ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP giảng:

“Các liệt cường ký với nhau khoản này khoản nợ, khoản kia đủ thứ, ký không biết bao nhiêu khoản; với Đức Chí Tôn chỉ có hai khoản thôi:

1. **LUẬT: Thương yêu.** Ngài định luật cho chúng ta là thương yêu. Không phải thương yêu gia đình, nhơn loại mà thôi, còn phải thương yêu toàn cả Vạn linh nữa. (Vạn linh kể cả cây cối, thú vật).

2. **QUYỀN: Ngài chỉ định là Quyền Công chánh.**

Từ thử, ta chưa thấy Hòa ước nào đơn sơ như thế.”

■ (Trích trong thuyết đạo của Đức Hộ Pháp, Quyển 2 trang 168)

“Đức Chí Tôn Ngài đến, do tay Ngài ký một Hòa ước với một sắc dân nô lệ, sắc dân hèn mọn, đặng Ngài nài nỉ xin cho đặng hai điều trọng yếu làm cho nhơn loại sống tồn tại là: Luật Thương yêu và Quyền Công chánh. Ngài đã ký, Ngài đã hứa với Thánh thể của Ngài, tức nhiên là cả quốc dân này đặng tạo ra hình ảnh Luật Thương yêu. Nếu toàn cả quốc dân VN lấy Quyền Công chánh làm thành tướng ra, rồi Ngài sẽ lấy tướng diện của nó Ngài làm môn thuốc cứu sanh mạng của nhơn loại đó vậy.”

“Ngài đã ký kết với nhơn loại bản Hòa ước thứ ba.

Hai Hòa ước kỳ trước, nhơn loại đã phản bội, không giữ sở tín của mình, vì có cho nên phải thất Đạo, nhơn loại đi trong con đường diệt vong, tương tranh tương sát nhau.

Vì lòng bác ái từ bi, Đức Chí Tôn đến ký Hòa ước thứ ba nữa để trong Luật điều. Chúng ta thấy các Đấng Thiên liêng chỉ tấm tượng Tam Thánh biểu nhơn loại tín ngưỡng: Thiên thượng Thiên hạ, về Luật có Bác ái, Pháp có Công bình, ngoài ra dầu luật pháp muôn ngàn hình tướng, Hội Thánh Đạo Cao Đài diu dẫn tâm lý nhơn sanh, chỉ dẫn họ vô mặt luật tối cao là Luật Bác ái và vô một nền Chơn pháp tối trọng là Pháp Công bình.

Luật pháp của Đạo Cao Đài, ngoài Luật Bác ái và Pháp Công bình, tất cả luật điều khác đều là phương pháp lấy giả tạo chơn mà thôi.”

■ *(Thuyết đạo của Đức Phạm Hộ Pháp)*

Nội dung của Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước gồm 4 chữ rất đơn sơ, nhưng muốn thực hiện trọn vẹn 4 chữ đó không phải là điều dễ dàng, mà cũng không phải quá khó khăn để không thể thực hiện được.

Có lòng Bác ái mới rõ lẽ Công bình. Muốn có lòng Bác ái, phải có lòng nhân, phải biết làm từ thiện. Sự chia xẻ, kẻ đói thì cơm, kẻ đau thì thuốc... làm cho ta có sự cảm xúc tinh thần trước những nỗi đau khổ của nhơn sanh. Từ đó, chúng ta mới thể hiện được tình thương yêu trên muôn loài vạn vật, tức là Bác ái vậy. Nhờ đó, chúng ta mới biết rõ được lẽ Công bình của Tạo Hóa, cho đi sẽ được nhận lại. Trong phần thực thi sự Công bình, chúng ta thiếu nợ ai thì phải lo trả cho dứt nợ, bởi vì nếu chưa trả dứt nợ thì các chủ nợ đâu có cho ta được trở về cõi TLHS. Nhưng có những món nợ từ nhiều kiếp trước mà ta đâu có biết ai là chủ nợ để trả? Muốn trả những món nợ này, Đức Phạm Hộ Pháp khuyên chúng ta phụng sự nhơn sanh. Trong số nhơn sanh mà ta phụng sự, ắt có những chủ nợ của ta từ nhiều kiếp trước, và dần dần việc phụng sự này giúp chúng ta trả hết các món nợ tiền kiếp.

Như vậy, muốn thực hiện Bác ái và Công bình thì chúng ta phải làm Công quả phụng sự nhơn sanh. Đó là hình thức tốt nhất để thực thi Bác ái và Công bình, tức là thực thi Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước. Mà thực thi được Đệ tam Thiên Nhơn Hòa ước là đặc đạo và được Đức Chí Tôn rước về Bạch Ngọc Kinh.

Bởi lẽ đó mà Đức Chí Tôn nhiều lần dạy bảo và khuyên nhủ nhơn sanh phải lo làm Công quả.

“Thầy đến độ rồi các con là lập thành một Trường Công đức cho các con nên đạo. Vậy đặc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến Trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đặc đạo bao giờ”

■ (TNHT)

“Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: Một Trường thi Công quả, các con muốn đến đặng nơi Cực Lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi”

■ (TNHT)

**“Muôn đức ngàn lành không sót một,
Bao nhiêu công quả bấy nhiêu phần”**

■ (TNHT)

Tóm lại, BẢN THIÊN NHƠN HÒA ƯỚC KỶ BA rất quan trọng.

Về triết lý: **Trời người hiệp nhất**. Trong bản hoà ước có 4 chữ Thiên Thượng, Thên Hạ (Dieu et Humanité).

Về giáo lý: Trong bản hoà ước ghi rõ: bác ái, công bình, thương yêu và công chánh. Loài người chỉ cần thực hiện hai chữ Thương yêu là sẽ thấy ĐẠY ĐỒNG HUYNH ĐỆ.

Tám bích hoạ nơi Tịnh Tâm Điện ở Đền Thánh là nơi Tam Thánh giới thiệu bản THIÊN NHƠN hoà ước và giang tay đón rước nhơn loại vào cửa Đạo Tam Kỳ.

Toà Thánh và các Thánh Thất phải nêu lên bản Tuyên Ngôn của Đạo Cao Đài trước nhơn sanh. Đó là Đệ Tam Hoà Ước: TRỜI NGƯỜI HỢP NHẤT, THƯƠNG

YÊU & CÔNG CHÁNH bao hàm đầy đủ tôn chỉ, mục đích, triết lý, giáo lý của nền Tân Tôn Giáo.

Đức Hộ Pháp đã trả lời phát thanh Pháp Á: ***“Tâm linh không Tổ quốc, không phân biệt màu da, tôn giáo, đất nước. Tất cả người Cao Đài không bao giờ nghĩ đến những dị đồng về chủng tộc đang chia rẽ nhân loại.... Các Đấng ấy (Tam Thánh) là người đi trước nhất truyền bá nền Tân Đạo”***

■ (Đại Đạo nguyệt san, bộ mới số 4 ngày 20/6/1953)



PHẦN BỐN
THÁNH GIÁO CỦA BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯ THÁNH

- TIẾT 1. THÁNH GIÁO CỦA THANH SƠN ĐẠO NHƠN
- TIẾT 2. THÁNH GIÁO CỦA NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN
- TIẾT 3. THÁNH GIÁO CỦA TRUNG SƠN CHƠN NHƠN

TIẾT 1. THÁNH GIÁO CỦA THANH SƠN ĐẠO SĨ

Toà Thánh, ngày....tháng 7 năm Tân Vị

(Le 12 September 1931)

Phò loan: Đức Hộ Pháp và Bảo Văn Pháp Quân

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Chào chư Tiên Phong

Xin quyền Giáo Tông bình thân

... Chư Thiên Phong cũng đã nghe danh Richelieu há! Bản đạo khi tái kiếp đặng chuyển chánh trị Pháp triều, lúc ấy cải danh đại sĩ của bản đạo ngày nay chưa phai lợt.

Hỏi thử chánh trị Thái Tây coi có phải đã thọ hưởng chánh sách của bản đạo mà lập thành toàn cường liệt quốc ngày nay chẳng? Bản đạo nói rằng, ngoài chánh sách của bản đạo thì chưa thể có phương nào hay hơn mà lập liệt quốc cho đặng. Phép phục thuộc địa, tuy là nước Romain đã có trước thì mặc dầu, chớ kỳ trung nay đoạt đặng mà làm cho cả vạn quốc Thái -Tây đặng đại danh cũng do nơi bản đạo. Chánh sách trị thuộc địa là làm cho các sắc dân còn thiếu kém văn minh đặng đoạt gương mà vào hàng cộng hoà vạn quốc. Nước chẳng đồng văn hoá, chẳng phương nhập cảnh hoà bình, đem văn hoá văn minh làm

biểu hiện mà pha cùng văn hoá các sắc dân hèn hạ, đặng nâng đỡ cho văn hoá của sắc dân ấy có đến văn minh, hầu sáp nhập vào hàng văn minh cả thấy thì toàn cầu đặng văn minh chẳng còn sắc dân nào đè nén nhau đặng. Không đè nén nhau đặng thì phải hoà nhau, hoà nhau đặng thì đại đồng thế giới.

Trái lại nếu thâu thuộc địa mà còn ép bức dân tình, giục các sắc dân ấy vào cảnh đè hèn thì không mong chi đồng thể cả. Không đồng thể thì là nghịch nhau, nghịch nhau thì loạn lạc, loạn lạc thì khó hoà bình thế giới.

Cái nền chính trị thật cao minh thì nên để cho các sắc dân đều tự chủ. Còn sự an lập quốc thể thì dùng phương nào cho dân thuộc địa chịu dễ dàng, đừng dùng quyền áp bức. Nước Đại Pháp cũng còn giữ chánh sách ấy mà làm lý thuyết, còn thực hành thì lại trái hẳn, chỉ cũng tại ham muốn chosự tiến hoá mở mang thuộc địa mau chóng mà làm cho dân thuộc địa tha nha thiết nghĩ, và tại nơi tham tàn của đám ô lại tham quan làm hư chánh sách cao thượng ấy đi. Bần đạo rất tiếc...

► ĐÀN CƠ TẠ THÁNH ĐỊA BẠCH VÂN KIM BIÊN

Ngày 26 tháng 10 Quý Dậu (15-2-1933)

- Phò loan: Đức Hộ Pháp và Ngài Cao Tiếp Đạo
- Hầu đàn: Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật – Giáo sư Thượng Bầy Thanh

THANH SƠN ĐẠO SĨ

.....

Thầy ngậm ngùi nhớ buổi các con hạ trần, giúp đỡ Ngọc Hư thì Lý Đại Huynh, còn Cực Lạc thì Hộ Pháp

chuyển thế. Thấy chán hiểu rằng phận sự khó khăn quá sức các con nên khi ấy không cho Trường Ca (Là Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn) của các con giáng trần, để ở thiêng liêng nắm quyền hành chính. Thấy chẳng trách nào sự oai nghiêm của nó, nếu các con hiểu thấu thì mới biết rằng trách nhiệm của nó nặng nề yếu trọng, cảm mối Thiên cơ mật thế xây chuyển cho thuận với Thiên điều không phải dễ, vì cơ mà Ngọc Hư ban quyền thiêng liêng vĩ đại, tòng phục mạng lệnh Lý Giáo Tông và Hộ Pháp đặng bảo tồn chánh giáo. Thấy (Thấy là Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ xưng hô với chư môn đệ Bạch Vân Động) lại ngăn cản các con chẳng đặng.

Khi lãnh lệnh Ngọc Hư các con quá lời quyết định, thế chuyển tân thế, lập Tân Dân. Thế ấy kiếp này Thấy rất nên sợ sệt. Thấy chỉ cầu nó thương tưởng các con nghĩ tình bằng hữu trên ngàn kiếp đặng bảo bọc đỡ nâng, gọi ơn muôn một cùng Thấy.

Thấy cũng nhìn rằng nó cố tâm giữ hứa, song nhiều phen nó đem bằng chứng nói tệt các con, Thấy khẩn cầu khoan dung lắm lúc. Thấy rất đau lòng đôi phen chịu lụy gánh tội các con, nhưng các con cứ lần lần gây thêm ra nữa. Lúc sau này nó dâng sớ vào Ngọc Hư xin truất bỏ nhiều đứa ra khỏi Thánh Thể Chí Tôn. Thấy đau lòng quá đổi, hễ bỏ ra khỏi Hội Thánh thì tội chuyển kiếp luân hồi. Thấy chạy đôn đáo, khẩn đảo Ngọc Hư đình đái ít lâu cho các con chuộc tội.

Phục Thành (Đạo hiệu của Giáo hữu Thượng Hoà Thanh do Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ cho) là đứa thứ nhì trong số. Vậy Thấy xin các con nếu biết thương Thấy rán trao tâm luyện tánh, đủ Thánh đức đạo tâm hầu làm

xong phận sự đặng sum hiệp Thầy trò kéo Thầy nhân nhớ trông mòn mỗi.

Bản đạo xin để lời cảm ơn Chư Đại Thiên Phong, để lời cố cập cả chư đồ của Bản đạo. Đa tạ hậu tình.

THẮNG

▶ HỘ PHÁP ĐƯỜNG, MÔNG I THÁNG 10 NĂM ẤT HỢI

(dl 26-11-1935)

BẠCH VÂN ĐỘNG THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bản Đạo chào chư Thiên phong và các con Bạch Vân Động.

Kiểu lỗi cùng chư Đại đức, cho phép Bản Đạo chuyển vãng với chư môn đệ của Bản Đạo một lát kéo đã lâu cách biệt tội nghiệp chúng nó.

Các con nghe Thầy:

Nắm chặt khuôn linh sửa nét trần

Nên hư để phó mặc Hồng Quân

Chòm mây bạc cũ là Tâm chí

Khởi tuyết trong xưa ấy trí thần...

Các con nhớ lời Thầy căn dặn rằng, may duyên đặng gặp Chơn Quân tại thế, nương bát nhã độ sanh thì công nghiệp ấy có ảnh hưởng vinh diệu cho Bạch Vân Động lắm. Ngày nào mà Thầy thấy các con mang áo vinh quang mà châu tại Bạch Ngọc Kinh cả thấy là ngày ước vọng của chúng ta đã thỏa mãn.

Thầy đã nói rằng cơ chuyển thế là do luật vô biên ái tình sanh sản, con đường ái tình ấy các con vẫn thường lui tới, ngày mong mỗi là ngày các con trải khỏi ái tình ấy đây đây như tâm mới mong hoà bình đại đồng thế giới.

... Ôi! Thầy đứng đây thấy trong năm châu chư môn đệ hỡi còn lặn lội trong biển khổ sông mê nên đau đớn. Thầy chính sợ có bấy nhiêu mà không muốn thường giáng trần, vì mỗi phen đều mỗi giọt lệ tuông vào nơi tục lự. Các con nhớ cái thảm của Thầy đặng lấy nó làm dây hàn tâm gìn Thánh đức nghe!

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ thường giáng cơ dạy Đạo nơi Hội Thánh Ngoại Giáo tại Kim Biên (Nam Vang). Sau đây xin chép ra hai bài giáng cơ tượng trưng:

► BÁO ÂN ĐƯỜNG KIM BIÊN, ĐÊM 3-3-BÍNH THÂN (DL 13-4-1956)

THANH SƠN ĐẠO SĨ

Bần đạo xin chào Hộ Pháp, Bảo Đạo, và chư Hiền nam nữ.

Thảm thoát nền Đại Đạo khai nơi Tần quốc đã 30 năm.

Ngày ấy chính Chí Tôn sai Hộ Pháp đến để gieo hạt Thánh cốc. Từ ấy đến nay thì các tay chấp chánh Đạo quyền nơi này không tô bồi thêm, trái lại làm cho phân chia tâm lý. Cơ ấy là chỗ ham quyền trọng vị. **Các Chức sắc Thiên phong lãnh Thiên mạng nơi mình không làm xong phận, ngôi thì ham, quyền thì muốn, mà hành động cho xứng lại không.** Thử hỏi họ vưng Thiên mạng đến để làm gì kia chớ?

Họ phải cho xứng phận là anh, thầy, để gần gũi hơn sanh, chia việc đau, an ủi điều khổ.

Hôm nay Hộ Pháp đã đến thì cả **Chức sắc Thiên phong phải ráng thực thi quyền của mình, hư thì bỏ,**

nên thì để, rửa ráy Thánh thể Đức Chí Tôn cho nên hình. Vậy khá liệu lấy.

► TÁI CẦU

- Phò loan: Hộ Pháp – Bảo Đạo.

THƯỢNG TRUNG NHỰT

Qua chào mấy em.

Khi này, Đức Thanh Sơn có ý khuyên mấy em gắng công hành đạo. Chính Qua cũng nhìn nhận mấy em thiếu kém công nghiệp cùng Đạo. Mấy em nam nữ đã thấy rõ vì thế nào mà Chương Đạo Nguyệt Tâm đã từ bỏ chức vụ mà mấy em từ thử hay chẳng?

Mấy em nhớ lại coi, từ khi Phong Chí (Giáo Sư Thượng Bảy Thanh) nắm quyền đến nay, sự nghiệp Đạo đã hư hoại thế nào? Thì cũng do nơi bội phản Hộ Pháp và anh em giành quyền mà sanh ra rối loạn. Qua nói thiệt cùng mấy em rằng, vì hổ thẹn ấy mà Chương Đạo từ chức và hủy bỏ Hội Thánh Ngoại Giáo. Các em đã hiểu rõ điều ấy. Qua chỉ thương Thanh Sơn mang tiếng phụ phàng, lỗi tình cùng Hộ Pháp.

Qua đã nhiều phen cầu xin Nguyệt Tâm Chơn Nhơn tha thứ, nhưng Ngài quyết hẳn, vì có là chúng đã mạo danh Bạch Vân Động đặng chia phe phân phái lập quyền đời của họ.

Các em có biết chẳng, Đấng đã mang trọn ân của Hộ Pháp là Bạch Vân Hòa Thượng, tức là Đức Thanh Sơn, vì khi lãnh lĩnh Ngọc Hư thì người đã hứa rằng: **Hộ Pháp trọn quyền sử dụng các chơn linh Bạch Vân Động**. Hôm nay lời hứa ấy đã thất. Qua nhường cơ lại cho Đức Thanh Sơn Chơn Nhơn.

Mấy em sẽ hưởng đặng một điều quý báu.

THẮNG.

► TÁI CÂU

THANH SƠN CHƠN NHƠN

Bản đạo trở lại là vì lời kêu nài của Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhật.

Chư Thiên phong đủ hiểu rõ rằng: Mạng số Việt Nam nó liên quan mật thiết cùng kiếp sanh của Bản đạo là thế nào, và vì lẽ gì mà Bản đạo phải giao trọn quyền điều khiển Bạch Vân Động cho Hộ Pháp.

Bảo Đạo! Thì Bản đạo cũng đồng tâm bịnh với Hiền Hữu.... Bảo Đạo nghe:

THI:

**Hoành sơn phân nước trót đôi lần,
Khí số bấy chừ dứt Nguyễn quân.
Lời sấm đoán vẫn khi thật quả,
Tiên tri toán số gẫm không lầm.
An dân buồn thiếu trang hiền sĩ,
Bảo quốc vui nhờ đức Thánh nhân.
Suy thịnh nước nhà do trị loạn,
Cũng như Đông mẫn tới hồi Xuân.**

Đọc lại rồi kiểm nghĩa đặng hiểu.

Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ tiên tri:

**Chừng nào chi Pháp đã ra đi,
Là lúc Đạo Trời gặp vận suy.
Chức sắc chuộng quyền hơn chuộng Đạo,
Nhơn sanh lo cốt chẳng lo bì.**

Máo cao dễ rớt nên thành nhất,
Cổ ngắn khó kêu phải hóa li.
Khảo thí lọc lừa tường hắc bạch,
Chung tâm hiệp sức thoát cơn nguy.

(THANH SƠN ĐẠO SĨ.)

TIẾT 2. THÁNH GIÁO CỦA NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

► BÀI 1.

Thánh Thất Kiêm Biên, ngày 14 tháng 2 Nhâm Thân
(20-3-1932)

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Bần Đạo chào Quyển Giáo Tông, Hộ Pháp, Tiếp Đạo và Hội Thánh Ngoại Giáo.

Nam nữ Thiên phong xin nghe: nước Thiên Đường thì ít kẻ, cửa Địa ngục vẫn nhiều người. Chưa từng thấy hạng nhơn sanh nào mà tự trong thân hình, chẳng hữu ích chi cho cả cơ Tạo mà đoạt vị Thần, Thánh, Tiên, Phật. Ngồi vị Thiêng liêng chẳng phải do nơi sự cầu may mà đoạt đặng.

Bần Đạo khi đắc lệnh làm Chương Đạo lập Hội Thánh giáo đạo tha phương, thì từng lòng bác ái của Chí Tôn mở rộng thể cho nhơn sanh dằng công đổi vị, Bần Đạo chẳng kể là nguyên nhân, hoá nhân hay quỷ nhân, ví biết lập công thì thành Đạo. Bần Đạo để cho mỗi người tự do định phận lại tùy thể khó khăn mà gây thành công quả; ấy vậy, nếu lấy phép công bình thì tự nhiên, nên thì thân, hư thì bỏ. Bần Đạo đã chán thấy kẻ bắt lực rất nhiều. Vậy Bần Đạo để lệnh cho mỗi vị Thiên phong xét mình khai tội cùng Giáo Tông và Hộ Pháp, rồi sau mới

định rõ đều thưởng phạt.

► **BÀI 2.**

Giáo Tông Đường, đêm 13.4.Đình Hội (1948)

BẠCH VÂN ĐỘNG CHƯỞNG ĐẠO

Chào chư chức sắc Hiệp Thiên, Cửu Trùng.

Bần Đạo kính lời cảm tạ Hộ Pháp cùng Hội Thánh có lòng nhớ đến mà tổ chức lễ kỷ niệm của Bần Đạo long trọng. Nơi Kiềm Biên, cơ Đạo phải chịu một thời điều tàn rồi sẽ đến giờ chấn hưng lại. Bởi dân Tần còn lắm nổi tai ương, điều ấy đã tiên tri không thể nào tránh đặng. Phận sự của Bần Đạo lãnh lịnh ngoại giáo là trong chư quốc, chẳng phải một nước Tần mà thôi.

H.T.! Mọi hành động của con có các Đấng vô hình tiên liệu, dầu đi đến nước nào cũng có đệ tử Bạch Vân ở nước ấy, nói chi nước Pháp hay là Trung Hoa. Con cứ tiến hành thì đắc thắng.

Bần Đạo tỏ lời cảm tạ cuộc lễ và tỏ sự vui vẻ của nước Việt Nam đã được nổi danh cùng lân bang. Nhất là Cao Đài được lừng tiếng tung hô từ năm 1946, đến nay các nước đều để ý đến.

Hiện giờ sự tín nhiệm Đạo Cao Đài đối với các Đấng phái được phân chú ý hơn. Vậy mọi hành trình chỉ dùng sự chân thật là thắng hết.

Bần đạo cảm ơn chư vị có đủ lòng bác ái kết chặt mối tương thân cùng bạn đồng chủng của Bần đạo. Ấy cũng là lòng từ bi của Chí Tôn muốn vậy mới tròn câu phổ độ toàn nhân loại mà lập thành một mối Đại Đồng Tôn Giáo.

► **BÀI 3.**

Hội Thánh Ngoại Giáo tại Toà Thánh, đêm 23-6-Kỷ
Sử (14-10-1949)

NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Chào chư chức sắc Hiệp Thiên Đài, Cửu Trùng.

Mấy lúc qua, Hội Thánh Ngoại Giáo ngưng trệ vì Thiên thư tiền định. Các vị lãnh lĩnh Hội Thánh đã thi hành nguyện vọng, xét ra cũng theo lối xưa là bất đồng tâm, bất tỵ lý cùng nhau nên kẻ vầy người khác, cuộc tiến hành không căn bản, giảm quyền Hội Thánh Ngoại Giáo. Đức Hộ Pháp đã tiên liệu có ngày, Ngài sẽ đến phục hưng nơi ấy. Hiện tình khó khăn là bởi thời cuộc biến chuyển, cần gìn cho còn danh thể là đủ, để các Đấng sắp đặt phương châm định thành vẻ vang hậu cận. Xin khuyên vị Tân Chủ Trưởng cần phải bền lòng sẽ thấy nhiều kết quả từ từ đến. Việc làm có khó mới có công, hành Đạo có chuyển biến mới tiến triển tinh thần đạo đức là một bài học hay cho các bậc bên chí đạt nguyện, có chi mà lo ngại. Cứ an tâm. Nhớ về trước các Đấng đã tiên tri rồi “*Thương thâm cho nòi giống nhà Tần*”. Vì vậy mà các hành tàng của Đạo phải chịu định phận thuận với Thiên thư. Nói ít chư hiền khá để tâm suy gẫm mà tùy phương lo lắng trọn bốn phận mình.

Bần đạo căn dặn chư hiền gắng thêm công quả, lập đức cho dày; chẳng vì lẽ mọn của đời người mà phế vong đại sự.

► NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN GIÁNG CƠ NGÀY 27-7-KỶ SỬU

“Những Đấng ở Bạch Vân Động đã xuống trần rải rác khắp các dân tộc. Họ bắt đầu làm nhiệm vụ Phổ Độ. Rồi

đây chư hiền sẽ thấy đời lữ lượt tìm Đạo”

TIẾT 3. THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC TRUNG SƠN CHƠN NHƠN

Đàn cơ tại Hộ Pháp Đường ngày 17-10-Bính Tý (dl
30-12-1936).

TÔN SƠN CHƠN NHƠN

Bần tăng chào quý vị.

Theo ý Bần tăng tưởng thì buổi nầy chưa phải hợp thể thời cho Đạo phổ thông Trung quốc, vì hai lẽ:

- Một là Chánh phủ Pháp với Đông Dương nầy chẳng phải thật tâm trọng Đạo, cố ý giúp dùm, mà thật sự thì chờ Đạo xuất dương nơi Trung hoa, đặt mai phục ẩn binh toan phương hãm hại. Anh Phong Chí nè! Anh chưa bước chân đến nước Tàu mà tên Anh đã treo nhông nhảnh nơi Phòng Mật Thám Tsien Tries, ấy là đợi Anh qua đặt ghim vào bằng cốt tụ hợp thông tư ngoại quốc vì quốc sự, chớ chẳng vì Đạo. Các cốt ấy chúng sẽ làm thế nào cho quả quyết hiển nhiên đặt toan diệt Đạo nơi đây cho đặt.
- Hai nữa là vì **Thiên thơ đã định cho Huê Nhựt hiệp chủng. Hại nổi lại là tay có trọng trách nơi phần tạo Tân Thế giới cho Đức Chí Tôn, nên Ngọc Hư bảo trọng không cho diệt chủng, duy chịu nạn diệt quốc mà thôi. Trong thế kỷ 21 sẽ thấy tang điền Nhựt đảo biến nên thương hải Huê triều. Ấy vậy, lúc phối hợp dân sanh sẽ có lâm trường huyết chiến.**

Em nói: Trong thời gian ngắn ngủi chi đây sẽ có Nhựt Huê đại chiến. Em lại nói chắc rằng: Chúc sắc giáo đạo những nơi Huê triều, ngày kia cũng phải chung

mang khổ ách.

Anh hiểu rồi! Gắng nghe lời Hộ Pháp khuyến giáo và hạ lệnh mới gây nổi cơn đố vĩ đại. Nghe và tuân theo vì đó là lệnh dạy của Thầy.

KẾT LUẬN

Bài Kệ U-minh-Chung có câu:

31. Nam mô Sơ Hội Long Hoa Thanh Vương Đại Hội, Nhiên Đăng Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn.

32. Nam mô Nhị Hội Long Hoa Hồng Vương Đại Hội, Di-Đà Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn.

33. Nam mô Tam Hội Long Hoa Bạch Vương Đại Hội, Di-Lạc Cổ Phật Chương Giáo Thiên Tôn.

Ba câu kệ: 31, 32, 33 cho biết là từ trước tới nay có ba thời kỳ Phổ độ, ứng với ba lần Hội Long Hoa. Duy có thời thứ ba này mới mở Đại-Ân-xá mà thôi.

Thánh ngôn dạy: **“Đạo Trời khai ba lượt, người tục lỗi muôn phần. Sanh đứng vào vòng thế cuộc, chưa biết mình đã lãnh một vai tuồng dạng chờ lúc kết quả, hồn qui Thiên ngoại, lánh khỏi xác phàm, trở về nơi khởi hành mà phục các điều đã thi hành giữa sân khấu là chốn trần ai khốn đốn này».**

CHƯ THÁNH BẠCH VÂN ĐỘNG đóng vai trò quan trọng nền Tân tôn giáo. Các Ngài công bố bản Thiên Nhơn Hòa ước kỳ ba, nói lên quan điểm và nhiệm vụ của Đạo Cao Đài:

“Đức Chí Tôn đã mở Đạo ở Việt Nam với mục đích cải thiện tình huynh đệ thế giới bị đố võ vì bạo lực, vì sức mạnh vũ khí do tham vọng của kẻ tàn bạo...”

TIẾT 3. THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC TRUNG SƠN CHƠN NHƠN

“Thế giới sẽ khổ vô ngần do thế chiến thứ ba. Ngày đó, sự Thương Yêu sẽ là con đường duy nhất để cứu rỗi nhân loại và Đạo Cao Đài sẽ thực hiện được mục đích đó.”



PHỤ LỤC

I. DANH NGÔN CỦA LA ROCHEFOUCAULD

- Những đức hạnh của chúng ta thường là những tật xấu được trang phục khéo léo.
- Dục vọng thường biến người thông minh thành kẻ ngốc nhưng cũng không hiếm khi hơn làm kẻ ngốc trở nên thông minh hơn.
- Sự bình tĩnh của những người anh minh – đó chỉ là khả năng che giấu những cảm giác thật trong sâu thẳm con tim.
- Dễ cư xử xứng đáng khi số phận nuông chiều, khó hơn nhiều khi số phận bạc đãi.
- Khó nhìn thẳng vào mặt trời cũng như cái chết.
- Người ta thường khoe khoang những dục vọng tội lỗi nhất nhưng không có ai dám thú nhận về sự đố kỵ hay một dục vọng rụt rè, e lệ.
- Nếu chúng ta không có những điểm yếu, chắc chúng ta đã không cảm thấy thích thú nhận ra chúng ở những người gần gũi.
- Ai cũng có lòng kiêu hãnh, khác nhau ở cách bộc lộ nó ra.
- Ai quá nhiệt thành với việc nhỏ, khó có thể làm việc lớn.
- Ta vui không phải vì những gì ở quanh ta mà ở thái độ của ta đối với xung quanh và ta thường hạnh phúc vì có được cái ta yêu chứ không phải vì cái mà người khác cho là xứng đáng để yêu.

- Không thể che giấu tình yêu khi có nó cũng như không thể bày tỏ tình yêu khi không có nó.
- Tình yêu là duy nhất, nhưng có vô số những thứ nán tình yêu.
- **Tình yêu như ngọn lửa, không biết tới bình yên:** nó sẽ thôi sống khi thôi hy vọng hay sợ hãi.
- Tình yêu đích thực giống như bóng ma, ai cũng nói về nó nhưng ít ai rõ hình dáng nó.
- Đại đa số chúng ta yêu lẽ công bằng chỉ vì sợ bị bất công.
- Ai cũng than phiền về trí nhớ nhưng không ai than phiền về trí tuệ.
- Trí tuệ luôn ngốc nghếch trước trái tim.
- Không phải ai biết rõ độ sâu của trí tuệ mình cũng như biết được độ sâu của trái tim mình.
- Không có gì chúng ta cho hào phóng như những lời khuyên.
- Càng về già thì những khiếm khuyết của trí tuệ càng dễ lộ ra như những khiếm khuyết của thân thể.
- Cách tự đánh lừa mình dễ nhất là nghĩ mình khôn hơn mọi người khác.
- Không có gì ngốc nghếch hơn là ham muốn trở nên thông minh hơn tất cả.

(ĐINH THẾ PHÔNG DỊCH)

II. THƠ VĂN CỦA ĐỨC NGUYỆT TÂM CHƠN NHƠN

Những Thánh giáo của Đức NTCN giảng cơ bằng Pháp Văn được in trong LES MESSAGES, Tây Ninh 1962. Trong quyển này nơi trang 77, đàn đêm 21-5-1933, Đức NTCN đưa ra quan điểm, cũng có thể gọi là lời tiên

tri về nền Đại Đạo. Xin trích đoạn như sau:

.....

6- *Dans leurs seules forces brutales,*

7- *Le cinglant démenti leur vient enfin de la civilisation
Orientale.*

Mettons -nous au-desseu de notre tâche,

Le monde nous regarde avec présomption

Parce qu' ll compte son salut dans notre religion,

Jestons un coup d' oeil dans toutes politiques,

12- *Nous voyons que toutes convergent au Pacifique*

Le nationalisme sera vertuellement vaincu

Les races se confondront, Les frontières détruites

15- *L'Humanité sera UNE, Dieu est venu.*

Pour la sauver de la destruction fortuite,

17- *Par sa science, elle s' entre-tue.*

► TẠM DỊCH

6- Họ chỉ dựa vào sức mạnh tàn ác

7- Mà văn minh Đông Phương phủ nhận nghiêm
khắc

Hãy vượt lên vì sứ mạng của ta

Thiên hạ ngăm nhìn với dự đoán xa

Vì họ chờ Đạo ta cứu rỗi.

Đưa mắt xem các nền chính trị nói,

12- Tất cả tập chú về Thái Bình Dương

Chủ nghĩa quốc gia dần bị phai tàn

Các chủng tộc hội nhập không biên giới

15– Nhân loại chỉ Một vì Chí Tôn đã tới

Cứu sanh linh bị tiêu diệt bất ngờ

17– Nhờ khoa học họ tàn sát vô bờ

Câu 7 và 12: Đông Phương phủ nhận bạo lực và thế giới hướng về Thái Bình Dương

Câu 10: Thế giới chờ Đạo cứu rỗi

Câu 13–14: Thế giới không còn biên giới: thời Đại Đồng

Câu 15: Nhân loại chỉ thờ một Đấng Chí Tôn

Về quan điểm thứ nhất. James Burnham cho rằng: “*Nền văn minh Tây Phương có thể tan vụn vì vũ khí nguyên tử*” (Notre civilisation Occidentale est spécialement vulnérable aux armes atomiques (James Burnham, pour la domination mondiale, Calman-Levy 1955).

Triết gia Pháp cũng đã kêu gọi đồng bào ông hãy quay về tôn thờ triết học phương Đông... mà Việt Nam là nơi tập trung “Luồng tư tưởng lớn Ấn Độ nằm trong Bà La Môn và Phật giáo, luồng tư tưởng lớn Trung Hoa nằm trong Khổng giáo và Lão giáo. Điểm đặc biệt nhất là cả hai luồng tư tưởng lớn này đều hướng về Nam, tập trung nơi đây thăng hoa và phát triển đến cao độ, khiến nước này có cái thế vươn mình xa rộng khắp Đông Nam Á.

■ (*Nguyễn Hữu Lương, Kinh Dịch với vũ trụ quan Đông Phương Sài Gòn 1971*).

Các mục 2, 3, 4 còn lại phù hợp với mục đích, tôn chỉ của Đạo Cao Đài, thời gian sẽ thể hiện dần.

Cũng năm đó, Ngài ban kinh tận độ, gồm các bài: Kinh cầu hồn khi hấp hối, Kinh khi đã chết rồi, Kinh Tam Thánh, Kinh Giải oan, Kinh đưa linh cữu. Đồng thời chỉnh văn 10 bài kinh thể song thất lục bát của Đức Phạm Hộ Pháp viết.

Tóm lại, Đức NTCN đóng vai trò quan trọng nền Tân tôn giáo mà Đức Hộ Pháp gọi Ngài là Chưởng Đạo Ngoại Giáo. Đức NTCN đã tóm lược quan điểm về Đạo như vậy:

“Đức Chí Tôn đã mở Đạo ở Việt Nam với mục đích cải thiện tình huynh đệ thế giới bị đổ vỡ vì bạo lực, vì sức mạnh vũ khí do tham vọng của kẻ tàn bạo...”

“Thế giới sẽ khổ vô ngần do thế chiến thứ ba. Ngày đó, sự Thương Yêu sẽ là con đường duy nhất để cứu rỗi nhân loại và Đạo Cao Đài sẽ thực hiện được mục đích Tổng Hợp”

■ *(Đàn đêm 10-4-1954)*

Ngay năm sau khi khai đạo ở Gò Kén (1926) vào trung tuần tháng 5-1927, cơ quan truyền giáo ra nước ngoài tức Hội Thánh ngoại giáo (Mission étrangère) đặt trụ sở tại đường Lanlande Lalan (Phnom Pênh). Đây là phần chuyển pháp thiêng liêng tích cực nhất trong việc truyền bá bằng báo chí.

Hội Thánh ngoại giáo dưới sự chỉ đạo của Đức Nguyệt Tâm chơn nhơn và dưới sự bảo hộ hữu hình của Đức Phạm Hộ Pháp. Vào đàn đêm 20/3/1932 tại Thánh Thất Kiên Liên, Đức Nguyệt Tâm chơn nhơn dạy:

“Bản đạo khi đặc lệnh làm Chưởng Đạo lập Hội Thánh

ngoại giáo, giáo đạo tha phương, thì tùy lòng bác ái của Đức Chí Tôn, mở rộng cửa thế cho nhơn sanh dưng công đổi vị. Bản đạo chẳng kể Nguyên nhân, Hóa nhân hay Quả nhân, hễ biết lập công thì thành Đạo”.

■ *(Les messages Spirites) Tây Ninh 1962*

Hội Thánh ngoại giáo vừa tròn một năm, số tín đồ tăng lên mười ngàn người.

III. THƠ VĂN CỦA TRẠNG TRÌNH NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Điểm đặc sắc của Nguyễn Bình Khiêm là những bài thơ về nhân tình thế thái, đề cao đạo lý Thánh hiền, có tính giáo huấn rất cao:

Của nặng hơn người

*Đời nay nhân nghĩa tựa vàng mười
Có của thì hơn hết mọi lời
Trước đến tay không, nào nói hỏi?
Sau vào gánh nặng, lại vui cười
Anh anh, chú chú, mừng hơ hái
Rượu, rượu, chè chè, thết tả tôi!
Người, của, lấy cân ta thử nhắc,
Mối hay rằng của nặng hơn người!*

Dĩ hoà vi quý

*Ở thế đừng tranh tiếng trượng phu
Làm chi cho có sự đời co
Đây cậy đây khôn, đây chẳng chịu
Đấy rằng đấy phải, đấy không thua!
Duật nợ hã còn đua với bạng
Lươn kia hầu dễ kém chi cò*

*Chữ rằng: «Nhân dĩ hoà vi quý»
Vô sự thì hơn, kẻo phải lo.*

Thú nhàn

*Một mai, một cốc, một cần câu
Thơ thần, mặc ai vui thú nào
Ta dại, ta tìm nơi vắng vẻ
Người khôn, người đến chốn lao xao.
Thu ăn măng trúc, đông ăn giá
Xuân tắm hồ sen, hạ tắm ao
Rượu đến gốc cây ta sẽ nhấp
Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao*

Thế gian biến cải

*Thế gian biến cải vũng nên doi (cồn)
Mặn lạt chua cay lẫn ngọt bùi
Còn bạc, còn tiền, còn đệ tử
Hết cơm, hết rượu, hết ông tôi
Xưa nay đều trọng người chân thật
Ai nấy nào ưa kẻ đái bôi
Ở thế mới hay người bạc ác
Giàu thì tìm đến, khó tìm lui.*

Ông khuyên con người, dù giàu dù nghèo, nên sống
khiêm tốn:

*Dầu sang trọng, cũng do Trời
Ta có chi, kiêu với ai?
Đừng quá quan trọng cái được cái mất ở đời:
Có chẳng giữ gìn, không chẳng lụy
Được không háo hức, mất không lo
Và cũng không nên quá tham lam*

*Đủ no hay vậy, xin thông thả
Sục sạo làm chi, luống nhọc nhằn
Nếu đã tham hơn thì phải thiệt
Hãy ghi lời ấy để mà răn.*

Trong xã hội, người mua kẻ bán, người giàu kẻ nghèo,
nên nương nhau mà sống:

*Kẻ khó thường làm ích kẻ giàu
Ở thì phải gãm, biết nhường nhau*

Hàng xóm láng giềng, nên ở với nhau cho thân thiện,
đạo nghĩa:

*Hào hoa tụ hội, nhà liền vách
Nhân hậu theo lễ tục tốt lành*

Nhờ vậy, sẽ có được tình xóm làng đẹp đẽ:

*Chọn được lòng nhân tình đẹp tốt
Hương về xóm đức cảnh vui vậy
Hằng năm bỏ lão vui hương ẩm
Cười nói tình quê, tay nắm tay*

Ngoài xã hội đã vậy, trong gia đình thì phải kính
trên nhường dưới, mới mong có được cuộc sống hạnh
phúc vui tươi.

Đối với cha mẹ thì:

*Hay khi ấm mát, trọn cung dưỡng
Siêng năng sớm tối, việc hỏi han
Dẫu có giận hờn, càng kính thuận
Vâng lời sai khiến, dám phàn nàn*

Còn anh em thì phải nhường nhịn nhau

*Chân tay gãm lại, ai hơn nữa
Tranh cạnh làm chi, lỗi phép nhà*

Chồng đối với vợ thì

Lỗi nhỏ, thứ cho đừng nên giận

Tình thân, nghĩ đến cũng nên thương

Ngay với đầy tớ, ông cũng có lời khuyên

Đạo làm đầy tớ, ở cho ngay

Mấy tơ hào cũng chẳng riêng tây

Tóm lại, trên cũng như dưới, trong gia đình cũng như ngoài xã hội, mỗi người phải giữ danh phận của mình. Ông chẳng ngại dư luận người đời, góp ý cho Mạc, Trịnh, Nguyễn, «*nhà*» nào cũng được, vì ông không nghĩ tới ngôi nhà của một dòng họ, mà là cả «*ngôi nhà*» tổ quốc, trong đó dân tộc Việt nam được cư ngụ thanh bình

Bốn biển vui theo người đạo đức

Khắp nơi lại thấy cảnh thanh bình

Xưa nay nhân giả là vô địch

Lọ phải khư khư thích chiến tranh.

Đối với ông, «*đạo chẳng ngoài thân*», «*đạo chẳng xa người*», nó nằm ngay ở chữ «*NHÂN*». Trước tiên, con người phải biết sống nhân ái với chính mình: tu thân tích đức, giữ mình trong điều thiện. trong đó «*tu thân*» đứng hàng đầu. Còn việc giúp người, giúp đời, thì tuy rằng thể thái nhân tình «*nhạt như nước ốc bạc như vôi*», nhưng kẻ sĩ nếu có lòng nhân ái thì sẽ sống gần gũi với mọi người, sẽ không bị vinh hoa phú quý cám dỗ để có thể sống «*an bản lạc đạo*»...

SẮM TRẠNG TRINH

Xin trích vài đoạn trong Sắm ký này.

1. Vận lành mừng gặp tiết lành
Thấy trong quốc ngữ tập tành nên câu
Một câu là một nhiệm màu
Anh hùng gãm được mới hầu giá cao
5. Trái vì sao mây che Thái Ất
Thủa cung tay xe nhật phù lên
VIỆT NAM khởi tổ gây nên
Lạc Long ra trị đương quyền một phương
Thịnh suy bĩ thái chẳng thường
10. Một thời lại một nhiều nhường nên lễ.
.....
81. Gà đầu sớm gáy bên tường
Chẳng yêu thì cũng bắt tường chẳng không
Thủy binh cờ phát vắng hồng
Bộ binh tấp nập như ong kéo hàng
85. Đứng hiên ngang đố ai biết trước
Ấy Bắc binh sang việc gì chẳng?
Ai còn khoe trí khoe năng
Cấm kia bắt nọ, tưng bừng đôi nơi
Chưa từng thấy đời nào sự lạ
90. Bỗng khiến người giá họa cho dân
Muốn bình sao chẳng lấy nhân
Muốn yên sao chẳng dục dân ruộng cày.
.....
135. Bắc phương chính khí sinh ra
Có ông Bạch sĩ điều hoà hôm mai
Song thiên nhật rạng sáng soi

Thánh nhân chẳng biết thì coi cho tường
Đời này thánh kể vi vương
140. Đủ no đạo đức văn chương trong mình
Uy nghi trạng mạo khác hình
Thác cứ một gốc kim tinh phương đoài
Cùng nhau khuya sớm dưỡng nuôi
Chờ cơ sẽ mới ra tài cứu dân.

.....

231. Đoài phương thực có chân nhân
Quần Tiên khởi nghĩa chẳng phân hại người
Tìm cho được chốn được nơi
Thái nguyên một giải lần chơi trú đình

257. Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh
Sông Bảo Giang thiên định ai hay
Lục thất cho biết ngày dấy (rày)

260. Phụ nguyên ấy thực ở giây (rày) **Tào Khê**
Có thấy Nhân thập đi về
Tả phụ hữu trì cây cỏ làm binh

Giốc hết sức sửa sang vương nghiệp
Giúp vạn dân cho đẹp lòng trời

265. Ra tay điều đình hộ mai
Bấy giờ mới biết rằng tài yên dân
Lọ là phải nhọc kéo quân
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về

Năm Giáp Tý về khuê đã rạng

270. Lộ Ngũ tinh trình tượng thái hanh
Ấn trên vũ thí vân hành
Kẻ thơ ký tuý kẻ canh xuân đài

*Bản đồ chẳng sót cho ai
Nghìn năm lại lấy hội nơi vẹn toàn.*

.....

*325. Bảo nhau cương kỷ cho tường
Bốn phương cũng được cho yên trong ngoài*

Chờ cho động đất chuyển trời

Bấy giờ thánh sẽ nên trai anh hùng

Còn bên thì nấu chưa xong

330. Nhân lực cướp lấy thiên công những là

Đời ấy những quỷ cùng ma

Chẳng còn ở thật người ta đâu mà

Trời cao đất rộng bao xa

Làm sao cho biết cửa nhà để vương

335. Dù trai ai chữa biết tường

Nhất thổ thời sĩ Khâm Phương thuở này

Ý ra lục thất gian nay,

Thời vận đã định thời nấy hưng vương

Trí xem nhiệm nhật cho tường

340. Bảo Giang thánh xuất trung ương thuở nầy

Vắt tay nằm nghỉ đông dài

Thương người có một lo hai phận mình.

395. Canh niên tàn phá

Tuất Hợi phục sinh

Nhị ngũ dư bình

Long hổ xà đầu khởi chiến tranh

Can qua tứ xứ khởi đao binh

400. Mã đề dương cước anh hùng tận

Thân Dậu niên lai kiến thái bình.

.....

470. Ma vương sát đại quỷ
Hoàng thiên tru ma vương
Kiên khôn phú tái vô lương
Đào viên đỉnh phát quân dương tranh hùng
Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết
ĐÁO HOÀNH SƠN tam liệt ngũ phân
Ta hổ vô phụ vô quân
Đào viên tán lạc ngô dân thủ hành.
Đoài phương phúc địa giáng linh
Cửu trùng thủy ứng LONG THÀNH ngũ vân.

480. Phá điền thiên tử giáng trần
Dũng sĩ nhược hải miu thần như lâm.
Trần công nãi thị phúc tâm
Giang hồ xử sĩ Đào Tiêm xuất du
Tướng thần hệ xuất y chu
Thủ kỵ phục kiến Đường ngu thi thành
Hiệu xưng thiên hạ thái bình

487. Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia.

■ (Trích từ BẢN * SỞ CUÔNG 1930 & MAILĨNH 1939)

Trong sách Trạng Trình còn có hai câu này, thường được thiên hạ đem ra bàn luận:

Cửu cửu càn khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn

Chúng ta thấy chữ cửu là 9. Số 9 đánh dấu một tiết đoạn trong cuộc tuần hoàn của vũ trụ, trong sự diễn tiến lịch sử của một dân tộc.

Cửu cửu là 9 lần 9 thành 81. Số này là thời kỳ đô hộ

Pháp tính từ năm 1862 (hoà ước Nhâm Tuất) mất ba tỉnh miền Đông Nam kỳ, tiếp đến năm 1867 thì mất luôn 3 tỉnh miền Tây, cho đến năm 1945 (Ất Dậu) với cuộc đảo chính Nhật, mồng 9 tháng 3 dương lịch, và sự sụp đổ của nền đô hộ Pháp, đúng vào lúc Thanh minh thời tiết hoa tàn.

Nhưng cứu cữu cữu đây cũng có thể giải thích là cứ 9 năm thì xảy ra một sự việc lớn, ảnh hưởng đời sống quốc gia và tương lai dân tộc. Nhìn lại lịch sử cận đại Việt nam từ đầu thế kỷ XX tới nay, chúng ta có thể ghi những thời điểm rất quan trọng sau đây:

- 1907 (Đinh Mùi): vua Thành Thái bị truất phế đày vào Nam
- 1916 (Bính Thìn): vua Duy Tân khởi nghĩa thất bại, bị đày sang đảo Réunion, cùng với vua cha (Thành Thái)
- 1925 (Ất Sửu): vua Khải Định mất, vua Bảo Đại nối ngôi (2-1926)
- 1936: Phong trào Bình dân có nhiều cuộc biểu tình.
- 1945 (Ất Dậu): Đảo chính Nhật (9-3), Việt minh giành chính quyền (23-8. 1945)
- 1954: Hiệp định Genève (20-7) phân ra Nam Bắc.
- 1955- 1956 (Ất Mùi- Bính Thân): VNDCCH thành lập, thủ đô Hà Nội. Sấm : *Trực đảo Dương đầu Mã vĩ - Hồ binh bát vạn nhập Tràng an.*
- 1963 (Quý Mão): đảo chính 1-11, lật đổ Đế nhất Cộng hòa, thành lập Đế nhị Cộng hoà ở miền Nam
- 1972 (Nhâm Tý): Hoà đàm Ba lê kết thúc.

2024 (Giáp Tý)

Giáp Tý niên hề! Giáp Tý niên.

Can Chi Thiên Địa vạn quy tiên...

- 2025 (Ất Sửu): kỷ niệm 100 năm thành lập tôn giáo Cao Đài



THAM KHẢO

- Thánh ngôn hiệp tuyển.HỘI THÁNH TÂY NINH
- Cao Đài tự điển.HT Nguyễn văn Hồng
- Cao Đài Đại Đạo tâm nguyên tự điển. ... Nguyễn Thủy
- Tam Thánh Bạch Vân Động.HT Trần văn Rạng
- Tiền kiếp Nguyệt Tâm chơn như, hậu kiếp Nguyễn Du, Victor Hugo Tùng Thiên – Từ Bạch Hạc

Chu Thánh
BẠCH VÂN ĐỘNG

Tùng Thiên – Từ Bạch Lạc